



Mục lục

SỰ KIỆN

- 3 Bài phát biểu bế mạc Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng
-

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 19 NGUYỄN XUÂN THẮNG:

Chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thế kỷ XXI: Tiếp cận mới về lý luận và thực tiễn Việt Nam

- 31 TRẦN VĂN PHÒNG:

Quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin và Đảng ta về vị trí, vai trò của trí thức

40 TRẦN QUỐC TỎ:

Triển khai Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng, phát huy vai trò đội ngũ trí thức trong lực lượng Công an - Thực trạng và giải pháp

50 TRẦN THỌ ĐẠT:

Đội ngũ trí thức Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế số

59 NGUYỄN QUỐC DŨNG:

Tập hợp và phát huy tiềm năng của đội ngũ trí thức

THÔNG TIN - TƯ LIỆU

68 Kỳ họp thứ 5 Hội đồng Lý luận Trung ương

70 Trao đổi Lý luận lần thứ 10 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Nhật Bản



SỰ KIỆN

BÀI PHÁT BIỂU BẾ MẠC HỘI NGHỊ TRUNG ƯƠNG 6 KHÓA XIII CỦA TỔNG BÍ THƯ NGUYỄN PHÚ TRỌNG

Sau 7 ngày (từ 3 - 9/10/2022) làm việc khẩn trương, nghiêm túc và đầy tinh thần trách nhiệm, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình đề ra và bế mạc sáng 9/10. Tòa soạn trân trọng giới thiệu toàn văn bài Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng bế mạc hội nghị.

“Kính thưa Trung ương,

Thưa các đồng chí tham dự Hội nghị,

Sau 7 ngày làm việc khẩn trương, nghiêm túc và đầy tinh thần trách nhiệm, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII của chúng ta đã hoàn thành toàn bộ nội dung chương trình đề ra. Các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng và các đại biểu tham dự Hội nghị đã phát huy dân chủ, trí tuệ, thẳng thắn thảo luận, đóng góp nhiều ý kiến tâm huyết, sâu sắc vào các tờ trình, báo cáo, đề án. Bộ Chính trị đã tiếp thu tối đa và giải trình

đầy đủ những vấn đề còn có ý kiến khác nhau; Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thống nhất cao thông qua các Nghị quyết và Kết luận của Hội nghị. Để bế mạc Hội nghị, tôi xin thay mặt Bộ Chính trị, phát biểu, làm rõ, nhấn mạnh thêm một số vấn đề và khái quát lại những kết quả quan trọng mà Hội nghị của chúng ta đã đạt được.

1. Về tình hình kinh tế - xã hội, ngân sách nhà nước năm 2022 và phương hướng, nhiệm vụ năm 2023

Hội nghị đã thống nhất nhận định: Trong bối cảnh, tình hình thế giới và

trong nước có những diễn biến mới, nhanh chóng và phức tạp, gây ra không ít khó khăn, thách thức lớn hơn so với dự báo, nhưng do có sự lãnh đạo sáng suốt, sát sao, kịp thời của lãnh đạo Đảng và Nhà nước; sự đồng hành và giám sát có hiệu quả của Quốc hội; sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, bài bản của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự đoàn kết, phối hợp chặt chẽ của các cấp, các ngành; sự vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị và sự nỗ lực phấn đấu của toàn Đảng, toàn dân, toàn quân, chúng ta đã thực hiện thắng lợi, khá toàn diện mục tiêu, nhiệm vụ: Vừa tập trung phòng, chống, kiểm soát dịch bệnh, vừa thúc đẩy phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng nền kinh tế độc lập tự chủ gắn với chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng và hiệu quả. Nổi bật là: Trong 9 tháng đầu năm, tăng trưởng GDP đạt hơn 8,83%; thu ngân sách nhà nước đạt 94% dự toán, tăng 22%; vốn đầu tư toàn xã hội tăng 12,5% so với cùng kỳ năm trước; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu đạt hơn 558,5 tỉ đô la Mỹ (USD), trong đó, kim ngạch xuất khẩu đạt 282,52 tỉ USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ, tiếp tục duy trì xuất siêu gần 7 tỉ

USD. Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định; lạm phát được kiểm soát; các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm; thị trường tài chính, tiền tệ, tỉ giá, lãi suất cơ bản ổn định.

Các ngành, các lĩnh vực chủ yếu của nền kinh tế đều phục hồi, có bước phát triển mạnh. Chỉ số sản xuất công nghiệp 9 tháng đầu năm tăng 9,63% so với cùng kỳ; sản xuất nông nghiệp tiếp tục phát triển ổn định, tăng 2,99% so với cùng kỳ; xuất khẩu nhiều mặt hàng nông sản chủ lực được đẩy mạnh. Khu vực du lịch, dịch vụ phát triển sôi động trở lại, nhất là từ sau khi kiểm soát được dịch bệnh, tăng khoảng 10,57%. Phát triển doanh nghiệp có nhiều khởi sắc; từ đầu năm đến nay đã có hơn 163 nghìn doanh nghiệp được thành lập mới và hoạt động trở lại, tăng 38,6%, cao nhất từ trước đến nay. Nhiều vấn đề tồn đọng kéo dài, nhất là việc xử lý các ngân hàng thương mại yếu kém, những doanh nghiệp, dự án chậm tiến độ, kém hiệu quả được tập trung tháo gỡ, xử lý, bước đầu đạt được kết quả tích cực.

Các lĩnh vực văn hóa, xã hội được chú trọng đầu tư phát triển. An sinh xã hội được bảo đảm; đời sống nhân dân

được cải thiện; đã triển khai thực hiện kịp thời các chính sách xã hội, nhất là chính sách đối với người có công với cách mạng, chính sách bảo trợ xã hội và các chính sách, biện pháp hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động, người dân bị ảnh hưởng nặng bởi đại dịch COVID-19. Ngành giáo dục tiếp tục có nhiều đổi mới, nâng cao chất lượng dạy và học; kịp thời nghiên cứu, điều chỉnh chương trình giáo dục phổ thông. Nhiều sự kiện văn hóa, thể thao, giải trí quy mô lớn, đặc biệt là SEA Games 31 đã được tổ chức rất thành công. Quốc phòng, an ninh, đối ngoại được tăng cường, góp phần bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ của quốc gia; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội. Công tác kiểm tra, thanh tra, tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần củng cố niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước và Chế độ. Dự báo đến hết năm 2022, chúng ta có thể hoàn thành và hoàn thành vượt mức 14/15 chỉ tiêu kế hoạch đề ra (chỉ còn 1 chỉ tiêu về tốc độ tăng năng suất lao động xã hội là có thể không đạt).

Dự báo thời gian tới, kinh tế thế giới nói riêng và tình hình quốc tế nói chung sẽ còn có nhiều diễn biến phức tạp, khó lường. Ở trong nước, bên cạnh những thời cơ, thuận lợi, chúng ta cũng còn tiếp tục phải đối mặt với không ít những hạn chế, yếu kém và khó khăn, thách thức, như tôi đã đề cập trong bài phát biểu khai mạc Hội nghị. Vì vậy, trong những tháng còn lại của năm 2022 và năm 2023, chúng ta phải tiếp tục nêu cao cảnh giác, chủ động kiểm soát có hiệu quả hơn nữa dịch COVID-19 và các dịch bệnh mới phát sinh, tuyệt đối không được chủ quan, không được để bị động, bất ngờ; bảo đảm năng lực khám, chữa bệnh, phòng, chống dịch bệnh của hệ thống y tế. Giữ vững ổn định kinh tế vĩ mô, kiểm soát lạm phát, bảo đảm các cân đối lớn của nền kinh tế, đặc biệt là cân đối về tài chính - ngân sách nhà nước. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng lực nội tại, tính tự chủ, khả năng chống chịu và tính thích ứng của nền kinh tế; củng cố, phát huy và tạo lập các động lực tăng trưởng mới trong trung hạn và dài hạn. Nâng cao chất lượng xây dựng

pháp luật gắn với nâng cao hiệu lực, hiệu quả chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện pháp luật; đẩy mạnh cải cách hành chính, sắp xếp, tinh giản bộ máy, biên chế.

Quyết liệt và đẩy nhanh tiến độ thực hiện các đột phá chiến lược, Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, 3 Chương trình mục tiêu quốc gia, các dự án xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, nhất là các dự án quan trọng, trọng điểm quốc gia. Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đẩy mạnh ứng dụng và phát triển khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, đổi mới sáng tạo. Chú trọng phát triển văn hoá, xã hội, bảo đảm an sinh xã hội và không ngừng cải thiện đời sống của nhân dân. Quản lý chặt chẽ và sử dụng có hiệu quả đất đai, tài nguyên, bảo vệ môi trường, chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu. Tăng cường công tác thông tin, tuyên truyền, phát huy sức mạnh tổng hợp, tạo sự đồng thuận xã hội. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, lãng phí. Củng cố quốc phòng, an ninh, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ, giữ vững an

ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội. Chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, nâng cao hiệu quả công tác đối ngoại.

2. Về định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050

Ban Chấp hành Trung ương đã dành nhiều thời gian để nghiên cứu, thảo luận, tạo sự thống nhất cao về sự cần thiết phải ban hành và tổ chức thực hiện thật tốt Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trung ương coi đây là nhiệm vụ chính trị rất quan trọng có ý nghĩa chiến lược, cơ bản, lâu dài, nhưng cũng là vấn đề rất rộng lớn, rất mới, rất khó, rất nhạy cảm và chưa có tiền lệ. Để xây dựng được một Quy hoạch tổng thể quốc gia có chất lượng và tính khả thi cao, đáp ứng được mục tiêu, yêu cầu đề ra thì cần phải nhận thức thật sâu sắc và quán triệt thật đầy đủ những nội dung của Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm

2045; Kết luận của Hội nghị lần này về Định hướng Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 và thực tế phát triển, tổ chức không gian phát triển quốc gia thời gian qua, nhất là 10 năm gần đây, thấy rõ những kết quả, thành tựu đã đạt được, những hạn chế, yếu kém còn tồn tại và nguyên nhân, bài học kinh nghiệm được tổng kết.

Việc xây dựng và từng bước hoàn thiện Quy hoạch tổng thể quốc gia cho từng thời kỳ phải dựa trên nguyên tắc: Không gian phát triển quốc gia phải được tổ chức một cách hiệu quả, thống nhất trên phạm vi cả nước, bảo đảm liên kết nội vùng, liên vùng và khai thác lợi thế so sánh của từng vùng, nhằm huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia. Phát triển có trọng tâm, trọng điểm, tập trung vào một số địa bàn có điều kiện thuận lợi về vị trí địa lý, kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội và nhiều tiềm năng lợi thế cho phát triển, nhất là về nguồn nhân lực chất lượng cao, để hình thành vùng động lực, hành lang kinh tế, cực tăng trưởng thúc đẩy kinh tế cả nước phát triển nhanh, bền vững và có hiệu quả cao.

Sử dụng có hiệu quả, tiết kiệm tài nguyên, nhất là tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng và các loại khoáng sản; bảo đảm an ninh lương thực, an ninh năng lượng, an ninh nguồn nước; phát triển kinh tế xanh, kinh tế tuần hoàn; bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và nâng cao chất lượng đa dạng sinh học; chủ động phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tổ chức không gian phát triển quốc gia, các vùng lãnh thổ, các hành lang kinh tế và hệ thống đô thị phải gắn với phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại; gắn kết giữa hệ thống đô thị và nông thôn; khu vực đất liền với không gian biển; khai thác và sử dụng vùng trời; tham gia có hiệu quả vào các hành lang kinh tế quan trọng trong khu vực và quốc tế; gắn phát triển kinh tế - xã hội với bảo vệ chủ quyền, quyền chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ và củng cố, tăng cường tiềm lực quốc phòng, an ninh; chủ động, tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất và hiệu quả.

Nội dung chủ yếu của Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 là phải xác định rõ và đúng những quan điểm, tư

tương chỉ đạo; những mục tiêu, chỉ tiêu chủ yếu cần phấn đấu để đạt được; và các định hướng lớn về phát triển và phân bố không gian phát triển các ngành, lĩnh vực chủ yếu; định hướng tổ chức không gian phát triển theo vùng, lãnh thổ; định hướng phát triển hệ thống đô thị, nông thôn; định hướng phát triển hệ thống cửa khẩu biên giới đất liền quốc gia... Trong việc quy hoạch lần này, cần tập trung ưu tiên cho việc hình thành cơ bản bộ khung kết cấu hạ tầng quốc gia; tập trung vào hạ tầng giao thông, hạ tầng đô thị, năng lượng, hạ tầng số, hạ tầng bảo vệ môi trường, thuỷ lợi, phòng, chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Đẩy mạnh cơ cấu lại nền kinh tế, ưu tiên phát triển một số ngành, lĩnh vực có tiềm năng, lợi thế và còn dư địa lớn, gắn với không gian phát triển mới. Phát triển các vùng động lực, cực tăng trưởng quốc gia quan trọng để hình thành các “đầu tàu” lôi cuốn sự phát triển của quốc gia. Hình thành và phát triển các hành lang kinh tế theo trục Bắc - Nam và trục Đông - Tây; kết nối các cảng biển, cửa khẩu quốc tế, đầu mối giao thương lớn, các đô thị, trung tâm kinh tế, cực tăng trưởng.

3. Về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045

Ban Chấp hành Trung ương Đảng đã thảo luận sôi nổi và thống nhất cao với những nhận định, đánh giá về kết quả, thành tựu đã đạt được; những hạn chế, yếu kém còn tồn tại và nguyên nhân; những bài học kinh nghiệm được rút ra từ thực tế đổi mới, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước thời gian qua; cũng như những quan điểm, mục tiêu và nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu nhằm tiếp tục đẩy mạnh hơn nữa công nghiệp hoá, hiện đại hoá đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Trên cơ sở đó, đã quyết định ban hành Nghị quyết chuyên đề đầu tiên của Trung ương về vấn đề đặc biệt quan trọng này.

Trung ương nhất trí cao cho rằng, để thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ Đại hội XIII của Đảng đã đề ra trong bối cảnh tình hình trong nước và trên thế giới đã, đang và sẽ có nhiều thay đổi trước tác động của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, toàn Đảng, toàn dân ta cần phải tiếp tục đổi mới tư duy, nhận thức và hành động quyết liệt, đúng đắn, đồng bộ hơn

trong sự nghiệp đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá ở nước ta. Cần phải nhận thức rõ: Công nghiệp hóa, hiện đại hóa là một quá trình chuyển đổi căn bản, toàn diện nền kinh tế và đời sống xã hội ngày càng dựa nhiều hơn vào sự phát triển của công nghiệp và dịch vụ trên nền tảng của khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và những thành tựu của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; là phương thức quan trọng để Việt Nam xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ, tự cường, phát triển kinh tế nhanh và bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập cao.

Tiếp tục đẩy mạnh sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước là một yêu cầu tất yếu khách quan trong tình hình mới; là nhiệm vụ trung tâm của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội đất nước; là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị; lấy con người là trung tâm, doanh nghiệp là chủ thể; bảo đảm sự hài hòa giữa mục tiêu phát triển kinh tế đi đôi với yêu cầu giữ gìn tiến bộ và công bằng xã hội, bồi đắp và phát huy giá trị văn hóa của dân tộc, bảo vệ tài nguyên, môi trường; gắn kết chặt chẽ và đồng bộ với quá trình đô thị hóa, xây dựng nông thôn

mới, đổi mới mô hình tăng trưởng và cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển dịch cơ cấu lao động.

Cần phải khai thác và phát huy tốt nhất tiềm năng, lợi thế của đất nước, của từng vùng, từng địa phương trong quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa; tận dụng và phát huy lợi thế của nước đi sau và đang trong thời kỳ “dân số vàng”; kết hợp chặt chẽ, đồng bộ, hiệu quả giữa phát triển tuần tự với đi tắt đón đầu, thúc đẩy chuyển dịch nhanh từ gia công, lắp ráp sang sáng tạo, thiết kế và sản xuất tại Việt Nam; công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn là một nhiệm vụ ưu tiên hàng đầu; chú trọng “dịch vụ hóa” các ngành công nghiệp. Coi chuyển đổi số là phương thức mới có tính đột phá để rút ngắn quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hóa.

Thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa phải trên cơ sở nhận thức đầy đủ, tôn trọng và vận dụng đúng đắn các quy luật khách quan của nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; có lộ trình và bước đi cụ thể, có trọng tâm, trọng điểm; ưu tiên nguồn lực và có các cơ chế, chính sách đột phá, đặc thù để phát triển các cực tăng

trường, các ngành công nghiệp nền tảng, công nghiệp ưu tiên gắn với công nghệ thông minh, các ngành dịch vụ có giá trị gia tăng cao; tăng cường liên kết ngành và liên kết vùng để tạo không gian phát triển mới; coi nguồn lực trong nước là cơ bản, chiến lược, lâu dài và quyết định; nguồn lực bên ngoài là quan trọng, đột phá; doanh nghiệp trong nước (bao gồm cả doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp tư nhân) là động lực chính, chủ đạo; doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có vai trò quan trọng.

Trong quá trình tiến hành công nghiệp hóa, hiện đại hóa, phải chú ý bảo đảm ổn định kinh tế vĩ mô và chủ động, tích cực hội nhập kinh tế quốc tế sâu rộng, hiệu quả; khơi dậy khát vọng phát triển, tinh thần khởi nghiệp quốc gia, đổi mới sáng tạo; phát huy giá trị văn hóa, bản lĩnh con người Việt Nam; vai trò xung kích, đi đầu của lực lượng doanh nghiệp, đội ngũ doanh nhân và đội ngũ trí thức, giai cấp công nhân hiện đại.

Trên cơ sở đó, quán triệt, tổ chức thực hiện thật tốt các nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu mà Trung ương đã nhất trí cao đề ra tại Hội nghị lần này.”

4. Về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam

Ban Chấp hành Trung ương nhất trí cao việc ban hành Nghị quyết về “Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới” với mục tiêu tổng quát là: “Hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân, do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; có hệ thống pháp luật hoàn thiện, được thực hiện nghiêm minh, nhất quán; thượng tôn Hiến pháp và pháp luật, tôn trọng, bảo đảm và bảo vệ có hiệu quả quyền con người, quyền công dân; quyền lực nhà nước là thống nhất, được phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, phân cấp, phân quyền và kiểm soát hiệu quả; nền hành chính, tư pháp chuyên nghiệp, pháp quyền, hiện đại; bộ máy nhà nước tinh gọn, trong sạch, hoạt động hiệu lực, hiệu quả; đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức có đủ phẩm chất, năng lực, thực sự chuyên nghiệp, liêm chính; quản trị quốc gia hiện đại, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước nhanh, bền vững, trở thành nước phát triển, có thu nhập

cao theo định hướng xã hội chủ nghĩa vào năm 2045”.

Để thực hiện thắng lợi mục tiêu nêu trên đây, Trung ương yêu cầu, trong quá trình thực hiện Nghị quyết, phải luôn luôn bám sát và nắm vững Cương lĩnh (bổ sung, phát triển năm 2011) của Đảng, Hiến pháp năm 2013 của Nhà nước và Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng để tiếp tục xây dựng, hoàn thiện Nhà nước ta theo các quan điểm, tư tưởng chỉ đạo sau đây:

Một là, Kiên định và vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh; kiên định mục tiêu độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội; bảo đảm sự lãnh đạo, cầm quyền của Đảng và bản chất giai cấp công nhân, tính nhân dân, tính dân tộc của Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam. Nắm vững và xử lý tốt các mối quan hệ lớn giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý và Nhân dân làm chủ; giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; giữa thực hành dân chủ xã hội chủ nghĩa và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội. Tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân

dân, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm của đổi mới hệ thống chính trị; phải đặt trong tổng thể công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị thật sự trong sạch, vững mạnh nhằm thực hiện thắng lợi sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh.

Hai là, Thực hiện nhất quán nguyên tắc: Tất cả quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân trong Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam; quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp chặt chẽ, kiểm soát hiệu quả giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp, tư pháp và sự giám sát của Nhân dân, dưới sự lãnh đạo của Đảng.

Ba là, Bảo đảm yêu cầu: Thượng tôn Hiến pháp và pháp luật. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; đồng thời coi trọng giáo dục, nâng cao đạo đức xã hội chủ nghĩa; thể chế hoá kịp thời, đầy đủ và tổ chức thực hiện có hiệu quả đường lối, chủ trương, nghị quyết của

Đảng. Con người là trung tâm, mục tiêu, chủ thể và động lực phát triển đất nước; tôn trọng, bảo đảm, bảo vệ quyền con người, quyền công dân.

Bốn là, Bám sát thực tiễn Việt Nam và xu thế phát triển của thời đại, kế thừa những thành tựu đã đạt được, tiếp thu có chọn lọc kinh nghiệm quốc tế phù hợp với Việt Nam; kết hợp sức mạnh dân tộc với sức mạnh thời đại; sức mạnh trong nước với sức mạnh quốc tế; bảo đảm cao nhất lợi ích của quốc gia - dân tộc, bảo vệ vững chắc độc lập, chủ quyền, thống nhất, toàn vẹn lãnh thổ, an ninh quốc gia và chế độ xã hội chủ nghĩa.

Năm là, Bảo đảm tính tổng thể, đồng bộ, liên thông giữa đổi mới lập pháp, cải cách hành chính, cải cách tư pháp; kết hợp hài hòa giữa kế thừa, ổn định với đổi mới, phát triển; tiến hành khẩn trương, nhất quán, có trọng tâm, trọng điểm, có lộ trình và bước đi vững chắc. Những vấn đề thực tiễn đòi hỏi, đã đủ rõ, chín muồi, được thực tiễn chứng minh là đúng, có sự thống nhất cao thì kiên quyết thực hiện; những vấn đề chưa đủ rõ, chưa chín, còn nhiều ý kiến khác nhau thì khẩn trương nghiên cứu, thực hiện thí điểm, tổng kết thực tiễn

để làm rõ, từng bước hoàn thiện, mở rộng; những chủ trương đã thực hiện, nhưng thực tiễn khẳng định là không phù hợp thì nghiên cứu điều chỉnh, sửa đổi kịp thời. Phát huy sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, huy động sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị với quyết tâm cao, nỗ lực lớn, hành động quyết liệt, kiên trì, hiệu quả.

Ban Chấp hành Trung ương cho rằng, xây dựng và kiện toàn bộ máy Nhà nước theo những phương hướng nói trên là một quá trình, với những bước đi tích cực, vững chắc, đặt trong tổng thể đổi mới hệ thống chính trị, gắn với đổi mới và xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trước mắt, cần tập trung sức thực hiện một số chủ trương và nhiệm vụ quan trọng: 1) Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của Quốc hội; nâng cao hơn nữa chất lượng của công tác lập pháp; 2) Cải cách nền hành chính Nhà nước; 3) Đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án và các cơ quan Tư pháp; 4) Phát huy vai trò và quyền làm chủ của Nhân dân; 5) Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước. Trong đó đặt trọng tâm vào việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống pháp luật và tổ chức thực hiện nghiêm



Các đại biểu dự bế mạc Hội nghị - Ảnh: TTXVN

pháp luật; cải cách nền hành chính Nhà nước, nhằm xây dựng một nền hành chính trong sạch, có đủ năng lực, sử dụng đúng quyền lực và từng bước được hiện đại hoá để thực hiện tốt đường lối, chủ trương của Đảng; sự quản lý có hiệu lực và hiệu quả cao công việc của Nhà nước; phục vụ đắc lực đời sống nhân dân, xây dựng nếp sống và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật; thúc đẩy tiến trình đổi mới, phát triển, thực hiện bằng được mục tiêu: Dân giàu, Nước mạnh, Xã hội công bằng, dân chủ, văn minh.

5. Về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị

Ban Chấp hành Trung ương thống nhất cao cho rằng: Đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng là một nội dung quan trọng của công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng. Trong 15 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khóa X về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị, chúng ta đã đạt được nhiều kết quả quan trọng, góp phần nâng cao vai trò,

hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo của Đảng, đồng thời phát huy tốt hơn vai trò, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước theo quy định của pháp luật; nâng cao chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, có nhiều đóng góp tích cực vào những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử của sự nghiệp đổi mới, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm cho đất nước ta chưa bao giờ có được cơ đồ, tiềm lực, vị thế và uy tín quốc tế như ngày nay. Nổi bật là: Công tác tổng kết lý luận và thực tiễn được chú trọng, tăng cường, đã góp phần tích cực cho việc kế thừa, bổ sung, phát triển chủ trương, đường lối của Đảng và hoàn thiện luật pháp, chính sách của Nhà nước. Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã từng bước được bổ sung, hoàn thiện qua các kỳ Đại hội, ngày càng sát hợp, hiệu lực, hiệu quả hơn. Cơ chế họp Lãnh đạo chủ chốt hằng tháng đã trở thành nền nếp, rất có hiệu quả, góp phần làm cho sự lãnh đạo của Đảng tập trung, thống nhất, thông suốt hơn. Việc lập lại Ban Kinh tế, Ban Nội chính, chuyển Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống

tham nhũng về trực thuộc Bộ Chính trị, do đồng chí Tổng Bí thư trực tiếp làm Trưởng Ban; thành lập Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp tỉnh; ban hành và sát sao chỉ đạo thực hiện các Nghị quyết, chủ trương, đường lối của Đảng về phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, đối ngoại và đổi mới xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện,... đã góp phần tích cực cho việc đổi mới, nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả sự lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả, thành tựu quan trọng đã đạt được vẫn còn không ít những hạn chế, yếu kém; tình hình đất nước, khu vực và quốc tế đã, đang và sẽ có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó lường, đặt ra những yêu cầu, nhiệm vụ mới, cao và phức tạp hơn. Do vậy, trên cơ sở tổng kết 15 năm triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 khoá X, Hội nghị Trung ương lần này đã nhất trí cao ban hành Nghị quyết mới về tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong tình hình mới. Trong đó, Trung ương đặc biệt

nhấn mạnh: Việc đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với Nhà nước, Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội phải bảo đảm giữ vững, tăng cường vai trò lãnh đạo, nâng cao hiệu lực, hiệu quả lãnh đạo, cầm quyền của Đảng; nâng cao vai trò, trách nhiệm, hiệu lực, hiệu quả quản lý của Nhà nước; chất lượng hoạt động của Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội, đáp ứng yêu cầu của thời kỳ phát triển mới.

Thực tế vừa qua cho thấy, đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của hệ thống chính trị là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên của các cấp uỷ, tổ chức đảng, gắn với thực hiện Cương lĩnh, Điều lệ và các chủ trương, đường lối của Đảng, được đặt trong tổng thể nhiệm vụ đổi mới, xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện; xây dựng, hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa do Đảng Cộng sản lãnh đạo, bảo đảm thực hiện đúng cơ chế “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”.

Trong quá trình này, cần kiên định các nguyên tắc tổ chức và hoạt động

của Đảng, đặc biệt là nguyên tắc tập trung dân chủ; đẩy mạnh phân công, phối hợp, phân cấp, phân quyền, gắn với nêu cao trách nhiệm của tổ chức và cá nhân, nhất là người đứng đầu; giữ vững sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, kỷ luật, kỷ cương; bảo đảm nguyên tắc quyền lực đi đôi với trách nhiệm, mọi cán bộ, đảng viên phải hoạt động trong khuôn khổ pháp luật, cơ chế, chính sách, nguyên tắc và kỷ luật của Đảng.

Để tiếp tục đổi mới thành công phương thức lãnh đạo của Đảng phải chủ động, tích cực, có quyết tâm chính trị cao, đồng thời cẩn thận trọng, có bước đi vững chắc, vừa làm vừa tổng kết, rút kinh nghiệm; vấn đề đã rõ thì kiên quyết đổi mới, vấn đề cần thiết nhưng chưa rõ, còn ý kiến khác nhau thì phải nghiên cứu, thí điểm, không nóng vội nhưng cũng không bỏ qua hoặc để quá chậm, ảnh hưởng đến sự phát triển; giữ vững an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội; kế thừa, phát huy những thành tựu, kết quả, kinh nghiệm tốt trong phương thức lãnh đạo của Đảng đã được thực tiễn chứng minh là đúng. Ở mỗi cấp, mỗi lĩnh vực phải vừa quán triệt các nguyên tắc

chung, vừa phải phù hợp với đặc điểm, yêu cầu, nhiệm vụ lãnh đạo của từng cấp, từng lĩnh vực và của từng loại hình cơ quan nhà nước, từng tổ chức chính trị - xã hội.

Trên cơ sở thống nhất cao về nhận thức, cần phải có quyết tâm cao, nỗ lực lớn trong tổ chức thực hiện, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ, sâu sắc nhận thức về đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng trong điều kiện mới, triển khai thực hiện đồng bộ cả 5 phương thức lãnh đạo của Đảng trên cơ sở đẩy mạnh đổi mới, nâng cao chất lượng công tác nghiên cứu xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các nghị quyết của Đảng; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tổ chức, cán bộ; đổi mới, nâng cao hiệu quả công tác tuyên truyền, giáo dục, vận động; phát huy vai trò, trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên; đồng thời, đẩy mạnh cải cách hành chính; đổi mới phong cách lãnh đạo, phương pháp công tác, lề lối làm việc của các cơ quan lãnh đạo của Đảng từ Trung ương tới cơ sở.

6. Về một số vấn đề quan trọng khác

Xem xét Tờ trình của Bộ Chính trị, Ban Chấp hành Trung ương đã cho ý

kiến về nhân sự để Bộ Chính trị quyết định giới thiệu Quốc hội bầu chức danh Tổng Kiểm toán Nhà nước và phê chuẩn các chức danh Bộ trưởng Bộ Y tế, Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải tại Kỳ họp thứ tư Quốc hội khóa XV. Đồng thời, một điểm mới tại Hội nghị lần này là: lần đầu tiên Ban Chấp hành Trung ương đã tiến hành xem xét, quyết định để cán bộ thuộc diện Trung ương quản lý thôi tham gia Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII theo chủ trương của Bộ Chính trị tại Quy định số 41-QĐ/TW, ngày 03/11/2021 về việc miễn nhiệm, từ chức đối với cán bộ và Thông báo số 20-TB/TW, ngày 08/9/2022 về bố trí công tác đối với cán bộ sau khi bị kỷ luật, đối với các đồng chí Ủy viên Trung ương Đảng Nguyễn Thành Phong, Huỳnh Tấn Việt, Bùi Nhật Quang.

Ban Chấp hành Trung ương cũng đã xem xét Tờ trình của Bộ Chính trị và quyết định thi hành kỷ luật đồng chí Phạm Xuân Thăng, Ủy viên Trung ương Đảng; Bí thư Tỉnh ủy, Chủ tịch Hội đồng nhân dân tỉnh Hải Dương bằng hình thức khai trừ ra khỏi Đảng do các vi phạm nghiêm trọng về



*Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng phát biểu tại phiên bế mạc sáng 9/10/2022 _
Ảnh: TTXVN*

nguyên tắc tập trung dân chủ, về những điều đảng viên không được làm và trách nhiệm nêu gương của người đứng đầu cấp ủy, gây hậu quả rất nghiêm trọng, làm thiệt hại lớn đến tài sản, ngân sách nhà nước, gây dư luận xấu, làm giảm uy tín của Đảng, chính quyền địa phương và cá nhân đồng chí.

Đây là sự việc rất đau xót, nhưng vì sự nghiêm minh của kỷ luật đảng, để giáo dục, ngăn ngừa, cảnh tỉnh, răn đe các trường hợp khác và vì sự lớn mạnh của Đảng buộc chúng ta phải làm. Và

đây cũng là bài học đắt giá mà mỗi đồng chí chúng ta cần phải rút kinh nghiệm thật sự sâu sắc; từ đó càng phải gương mẫu, càng phải nêu gương hơn nữa trong việc tu dưỡng và rèn luyện phẩm chất, đạo đức cách mạng, phải thực sự là những tấm gương tiêu biểu để cán bộ, đảng viên, nhân dân tin tưởng và noi theo.

Thưa các đồng chí,

Đến giờ phút này, chúng ta đã có thể nói rằng, Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa

XIII của chúng ta đã thành công tốt đẹp với một khối lượng công việc rất lớn, rất quan trọng và phức tạp. Qua đây, Trung ương đã hoàn thành tốt việc quán triệt, cụ thể hóa toàn bộ những nội dung cốt lõi và những vấn đề lớn nêu trong Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng. Thành công của Hội nghị lần này có ý nghĩa đặc biệt quan trọng vì Hội nghị diễn ra trong bối cảnh tình hình thế giới và trong nước có nhiều diễn biến nhanh chóng, phức tạp, khó dự báo; cả nước đang nỗ lực phấn đấu, tranh thủ mọi thời cơ, thuận lợi, khắc phục, vượt qua mọi khó khăn, thách thức để hoàn thành thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ đã đề ra cho năm 2022, tạo tiền đề cho sự phát triển nhanh và bền vững hơn trong năm 2023 và các năm tiếp theo.

Thành công của Hội nghị lần này ngoài sự đóng góp tích cực của các đồng chí Trung ương, các cơ quan và cán bộ tham mưu, còn có phần đóng góp rất trách nhiệm của cán bộ, đảng viên và nhân dân trong cả nước, đặc biệt là các đồng chí cán bộ lão thành, các đồng chí nguyên lãnh đạo Đảng và Nhà nước, các chuyên gia, nhà khoa học, nhà quản lý, những người luôn

quan tâm, nhiệt tình hưởng ứng và có nhiều ý kiến đóng góp quý báu cho công việc chung của Đảng và Đất nước. Thay mặt Ban Chấp hành Trung ương, tôi xin trân trọng cảm ơn những tình cảm và sự đóng góp quý báu đó. Tôi tin tưởng rằng, với thành công của Hội nghị lần này và sự đoàn kết, nhất trí cao trong toàn Đảng, trước hết là trong Ban Chấp hành Trung ương, Bộ Chính trị, Ban Bí thư; sự ủng hộ, hưởng ứng của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân, nhất định chúng ta sẽ tổ chức thực hiện thành công các Nghị quyết, Kết luận của Hội nghị Trung ương lần này, góp phần thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng, làm cho Đất nước ta ngày càng cường thịnh, Dân tộc ta ngày càng vẻ vang hơn!

Đến đây, tôi xin tuyên bố bế mạc Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII. Chúc các đồng chí mạnh khỏe, hạnh phúc, hoàn thành xuất sắc trọng trách trước Đảng, trước Nhân dân và Đất nước với một niềm tin mới, khí thế mới và động lực mới.

Tôi xin trân trọng cảm ơn!” ■

Theo TTXVN



NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

CHỦ NGHĨA XÃ HỘI HIỆN THỰC TRONG THẾ KỶ XXI: TIẾP CẬN MỚI VỀ LÝ LUẬN VÀ THỰC TIỄN VIỆT NAM

**Phát biểu của đồng chí NGUYỄN XUÂN THẮNG, Ủy viên Bộ Chính trị,
Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị
quốc gia Hồ Chí Minh, Trưởng đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam
tại Hội thảo Trao đổi lý luận lần thứ 10 với Đảng Cộng sản Nhật Bản.**

Hôm nay, trở lại thành phố Tokyo tráng lệ và sầm uất, nơi hội tụ những giá trị truyền thống và hiện đại của xứ sở mặt trời mọc, hoa anh đào tươi thắm và người dân vô cùng mến khách để tham dự Hội thảo trao đổi lý luận lần thứ 10 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Nhật Bản, tôi rất vui mừng và xúc động gặp lại các đồng chí Nhật Bản, những người bạn hết mực gắn bó, thân thiết với Đảng và Nhân dân Việt Nam. Thay mặt

Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam, tôi cảm ơn sự đón tiếp chân tình của các đồng chí và xin được gửi đến đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Nhật Bản lời chào và lời chúc mừng tốt đẹp nhất. Chúc các đồng chí luôn mạnh khỏe, hạnh phúc, an lành và đạt được nhiều thành công!

Với chủ đề: “*Xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thế kỷ XXI: Tiếp cận mới về thực tiễn và lý luận*”, Hội thảo trao đổi lý luận lần này có rất nhiều ý nghĩa, là dịp để hai Đảng chúng ta



Trao đổi lý luận lần thứ 10 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam với Đảng Cộng sản Nhật Bản _ Ảnh: dangcongsan.vn

cùng nhau trao đổi, nghiên cứu về xu hướng phát triển của chủ nghĩa xã hội trên thế giới, chia sẻ kinh nghiệm trong quá trình tìm tòi để ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội ở mỗi nước, tăng cường hiểu biết lẫn nhau, nâng tầm công tác lý luận, góp phần thắt chặt và thúc đẩy hơn nữa mối quan hệ giữa hai Đảng và Nhân dân hai nước.

Về chủ đề này, như nhiều đồng chí đã biết, nhân kỷ niệm 131 năm ngày sinh của Chủ tịch Hồ Chí Minh, tháng 05-2021, đồng chí Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng của chúng tôi đã có bài viết

rất quan trọng với tiêu đề: “*Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam*”. Những thành tựu lý luận và thực tiễn của Việt Nam trong quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội đã được đồng chí Tổng Bí thư của chúng tôi tổng kết rất đầy đủ, toàn diện và sâu sắc trong bài viết này, được dư luận trong nước và quốc tế rất quan tâm và đánh giá cao, trong đó có cả những học giả, chuyên gia, đảng viên Đảng Cộng sản Nhật Bản. Trân trọng giới thiệu và kính mời các đồng chí đọc bài viết này.

Thưa các đồng chí,

Gần 175 năm qua, kể từ khi *Tuyên ngôn Đảng Cộng sản* ra đời - một cuộc cách mạng chưa từng có trong lịch sử tư tưởng của chủ nghĩa xã hội bắt đầu, nhân loại đã chứng kiến biết bao sự đổi thay của thế giới, chủ nghĩa xã hội cũng trải qua nhiều bước phát triển, biến cố và thăng trầm: từ chỗ chỉ là những phác thảo không tưởng, bị giai cấp tư sản và phong kiến xem là một “*bóng ma đang ám ảnh châu Âu*”, chủ nghĩa xã hội đã hình thành như một học thuyết cách mạng; từ một học thuyết, chủ nghĩa xã hội đã trở thành hiện thực sau thắng lợi vĩ đại của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga; từ hiện thực chủ nghĩa xã hội trong phạm vi một nước đã trở thành hiện thực của một hệ thống chủ nghĩa xã hội thế giới với những kỳ tích phát triển sau Chiến tranh thế giới lần thứ II; từ một mô hình đơn nhất, kế hoạch hoá tập trung, chủ quan duy ý chí, chủ nghĩa xã hội đã phát triển rất nhiều mô hình khác nhau trong nỗ lực tìm tòi, thích ứng với sự thay đổi của thực tiễn; từ những bờ ngõ, dò dẫm trong buổi đầu của tiến trình cải cách, mở cửa và hội nhập quốc tế, vượt qua nhiều thử

thách, khó khăn, thế giới đã xuất hiện những mô hình chủ nghĩa xã hội hiện thực mới, hiện đại, đặc sắc, đạt được nhiều thành tựu phát triển to lớn, nổi bật được cộng đồng quốc tế ghi nhận và đánh giá cao.

Vượt qua những chấn động, thăng trầm trong dòng chảy lịch sử và tất cả sự công kích, xuyên tạc, chống phá từ nhiều luồng tư tưởng khác nhau, chủ nghĩa Mác vẫn tồn tại, đứng vững; chủ nghĩa xã hội vẫn vững vàng với một nền tảng tư tưởng, lý luận vững chắc, không ngừng được bổ sung, phát triển sáng tạo mang hơi thở của thực tiễn cuộc sống, phù hợp với xu hướng phát triển chung của thời đại. Thực tiễn cho thấy rằng, lúc nào, ở đâu, nếu Đảng Cộng sản lãnh đạo kiên định, bản lĩnh, vận dụng đúng đắn và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác, thì tiến trình xây dựng chủ nghĩa xã hội vượt qua được những thử thách nguy nan, giành được nhiều thắng lợi; ngược lại, nếu Đảng vận dụng sai, hoặc giáo điều, rập khuôn máy móc, thì tiến trình đó sẽ bị chệch hướng, gặp nhiều khó khăn, thậm chí thụt lùi, thất bại.

Hơn 30 năm nhìn lại, chúng ta vẫn chưa thể ngoài ngoai khi vào năm

1991 phải chứng kiến những gì đã diễn ra với Đảng Cộng sản Liên Xô: một đảng khi chỉ có 2 vạn đảng viên đã lãnh đạo thành công cuộc Cách mạng tháng Hai lật đổ ách thống trị chuyên chế Sa hoàng; khi có 35 vạn đảng viên đã làm nên thắng lợi của cuộc Cách mạng tháng Mười Nga vĩ đại; và khi có hơn 5 triệu rưỡi đảng viên đã lãnh đạo toàn thể nhân dân Liên Xô giành chiến thắng trong cuộc Chiến tranh vệ quốc vĩ đại chống chủ nghĩa phát-xít; vậy mà, khi đảng có gần 20 triệu đảng viên với bề dày truyền thống hơn 80 năm thì lại đánh mất địa vị cầm quyền, lãnh đạo và rốt cuộc tan rã, mất chế độ. Đây là tổn thất cực kỳ to lớn đối với chủ nghĩa xã hội thế giới và là sự tổn thương ghê gớm đối với những người cộng sản chân chính; song cần hiểu đúng rằng, đó chỉ là sự sụp đổ của mô hình chủ nghĩa xã hội Xô viết quan liêu, xa dân, rời xa thực tiễn cuộc sống, rời bỏ những nguyên lý căn bản của chủ nghĩa Mác và các nguyên tắc, phương thức lãnh đạo của đảng cách mạng. Đó còn là hệ lụy từ những sai lầm về đường lối phát triển kinh tế - xã hội kế hoạch hoá tập trung kéo dài; sai lầm về đường lối

chính trị, nhất là sự buông lỏng công tác chính trị - tư tưởng, công tác cán bộ của đảng cầm quyền dẫn đến sự thờ ơ, xơ cứng, xa rời mục tiêu, lý tưởng của đội ngũ cán bộ, đảng viên trong quá trình cải tổ. Những bài học xương máu đó cho đến hôm nay vẫn còn nguyên giá trị cảnh báo đối với các đảng cộng sản cầm quyền.

Sẽ là không đầy đủ nếu chúng ta không nhận diện chủ nghĩa tư bản lúc bấy giờ. Thực tế là, để tồn tại và phát triển chủ nghĩa tư bản luôn phải tự điều chỉnh. Sự phát triển của chủ nghĩa tư bản độc quyền nhà nước, chủ nghĩa tư bản toàn cầu hoá, chủ nghĩa tư bản kỹ thuật số, v.v. đều là những hình thức thích ứng mới của chủ nghĩa tư bản trong bối cảnh thế giới thay đổi rất nhanh. Chủ nghĩa tư bản đã và đang có thể vượt qua được các cú sốc, các cuộc khủng hoảng chu kỳ, khủng hoảng cơ cấu, v.v. Tuy nhiên, cần hiểu đúng rằng, *chủ nghĩa tư bản hiện đại chắc chắn không phải là nấc thang phát triển cuối cùng và cao nhất của xã hội loài người*. Nhiều quốc gia tư bản giàu nhất vẫn liên tục phải đối mặt với các rủi ro khủng hoảng kinh tế - tài chính, tình trạng bất ổn chính

trị và bất bình đẳng xã hội gia tăng. Chiến tranh thương mại, chủ nghĩa bảo hộ, chủ nghĩa độc quyền, v.v. phản ánh mâu thuẫn gay gắt giữa các nền kinh tế tư bản và ngay trong lòng các xã hội tư bản chủ nghĩa vẫn rất khó điều hoà, đi ngược lại xu thế toàn cầu hoá. Chính trị cường quyền, chủ nghĩa nước lớn, chủ nghĩa dân tộc cực đoan và các toan tính, cạnh tranh địa - chiến lược, địa - chính trị... đang châm ngòi cho các cuộc xung đột ở nhiều nơi, thậm chí có thể khơi mào cho một cuộc chiến tranh hạt nhân chiến thuật. Hệ thống chủ nghĩa tư bản hiện đại đang cho thấy không đủ khả năng để xử lý một cách hiệu quả những thách thức cấp bách của nhân loại, như: ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, dịch bệnh hiểm nghèo, mâu thuẫn sắc tộc, tôn giáo, chủ nghĩa khủng bố và nhiều vấn đề an ninh phi truyền thống mới nảy sinh.

Cùng với thời gian, chứng kiến những thành tựu vượt bậc của nhân loại và cả những thách thức, khó khăn nhân loại đang tìm cách vượt qua, nhân loại lại ngày càng khát khao về lý tưởng xây dựng một thế giới tốt đẹp hơn, tiến bộ hơn, nơi có sự giải phóng

giai cấp, giải phóng nhân dân lao động, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Đó chính là những giá trị nhân văn tốt đẹp, cốt lõi, nổi bật nhất và là những cống hiến to lớn nhất của học thuyết Mác; là mục tiêu của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội hôm nay và là trọng trách lớn lao của các Đảng Cộng sản trong hành trình hiện thực hoá mục tiêu cao đẹp đó của chủ nghĩa Mác và của chủ nghĩa xã hội.

Tôi muốn đề cập đến ba xu hướng phát triển nổi bật của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thế kỷ XXI:

(1)- *Xu hướng phát triển hiện đại.* Chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thế kỷ XXI tất yếu phải là *chủ nghĩa xã hội hiện đại*. Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đang mở ra cơ hội to lớn cho sự phát triển bứt phá của các nước đi sau nhờ tiến trình đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá dựa trên nền tảng khoa học - công nghệ và đổi mới sáng tạo. Các nước đang phát triển đi theo con đường xã hội chủ nghĩa có nhiều điều kiện thuận lợi để nhanh chóng hiện đại hoá lực lượng sản xuất, hoàn thiện quan hệ sản xuất tiến bộ, trở thành *những nước phát triển, có thu nhập cao*.

Điều dễ nhận thấy là, sự đổi mới nhận thức, tư duy đang mang lại những cách làm mới về xây dựng chủ nghĩa xã hội ở các nước kiên định lựa chọn con đường này. Có những vấn đề trước đây bị coi là đối lập, thì hiện tại được nhận thức lại là đúng, được xem là giải pháp hữu hiệu để phát triển, như: phát triển kinh tế thị trường, xây dựng nhà nước pháp quyền, bảo đảm lợi ích cá nhân và bảo vệ sở hữu tư nhân... Có những vấn đề tuy mới chỉ xuất hiện gần đây như các công nghệ mới, chuyển đổi số, sự bùng nổ của những loại hình kinh tế chia sẻ, kinh tế không tiếp xúc, kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh... nhưng lại nhanh chóng tác động sâu sắc đến đời sống xã hội loài người; trở thành những nhân tố quan trọng tạo lập nền tảng mới, thúc đẩy sự phát triển của các nước đi theo con đường xã hội chủ nghĩa. Đó là những thay đổi to lớn, chưa từng có mà các nhà kinh điển mác-xít vào thế kỷ 19 không thể hình dung vào thời đại của các ông và ngay cả những nhà tư tưởng, lãnh đạo ở các nước xã hội chủ nghĩa vào thế kỷ XX cũng khó có thể dự liệu một cách đầy đủ.

(2)- *Xu hướng phát triển đa dạng.*
Thực tế xây dựng chủ nghĩa xã hội đã chỉ ra một vấn đề mang tính quy luật là có nhiều mô hình chủ nghĩa xã hội cho các quốc gia khác nhau và một mô hình thì luôn được điều chỉnh, hoàn thiện nhiều lần trong quá trình hiện thực hóa. Công cuộc đổi mới, hội nhập và phát triển bước đầu thành công ở một số nước xã hội chủ nghĩa đã mở ra những nhận thức mới về con đường, bước đi, biện pháp và cách thức đi lên chủ nghĩa xã hội; và tùy thuộc vào thực tiễn cụ thể mà các nước có những bước đi, cách làm và lộ trình thực hiện khác nhau.

Dựa trên những điều kiện cụ thể, các đảng cộng sản đã vận dụng, phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác, đồng thời không ngừng bổ sung, phát triển nền tảng tư tưởng, lý luận của mình: ở Việt Nam, đó là tư tưởng Hồ Chí Minh; ở Lào, đó là tư tưởng Cay-xôn Phôm-vi-hản; ở Cuba, đó là tư tưởng cách mạng của Hô-xê Mác-ti và truyền thống đấu tranh giải phóng dân tộc độc đáo của nhân dân Cuba; ở Venezuela, đó là tư tưởng cách mạng, tiến bộ của Simon Boliva và tư tưởng nhân đạo thiên chúa giáo, v.v. Ngay cả

trong lòng châu Âu, chúng ta đang chứng kiến sự trỗi dậy của những tư tưởng mới về chủ nghĩa xã hội dân chủ, chủ nghĩa xã hội thị trường, chủ nghĩa xã hội sinh thái và nền kinh tế thị trường xã hội sinh thái...

Điều dễ nhận thấy nữa là, giữa các đảng cộng sản và công nhân trên thế giới luôn có sự trao đổi, thảo luận, học tập kinh nghiệm lẫn nhau nhưng không rập khuôn, sao chép mô hình, cách làm của nước khác; thay vào đó, nỗ lực tìm kiếm, xây dựng một hệ thống lý luận về mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội phù hợp với điều kiện lịch sử, cụ thể của nước mình. Việc bổ sung các giá trị mới, cách làm mới giúp cho nền tảng tư tưởng, lý luận của chủ nghĩa xã hội hiện thực ngày càng đa dạng, mô hình và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ngày càng phong phú, bám sát đặc điểm mỗi nước, phù hợp với bối cảnh thời đại.

(3)- *Xu hướng phát triển lấy con người làm trung tâm.* Đây là sự kế thừa và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác, tạo nên tư tưởng lõi cuốn, truyền cảm hứng mạnh mẽ và giá trị thực tiễn sâu sắc của chủ nghĩa xã hội hiện đại. Phù

nhận chủ nghĩa dân túy và những cách làm cực đoan cố gắng đạt được tăng trưởng kinh tế bằng mọi giá, tư tưởng lấy con người làm trung tâm nhấn mạnh yêu cầu *phát triển bao trùm và bền vững*; vừa nâng cao đời sống vật chất, vừa nâng cao đời sống tinh thần và hạnh phúc của người dân; tạo cơ hội bình đẳng cho mọi người tham gia, mọi người thụ hưởng các thành quả phát triển; không để ai bị bỏ lại phía sau hay bị gạt ra bên lề xã hội. Đây là phương thức tích cực để chủ nghĩa xã hội tạo lập sự cân bằng và hài hoà trong phát triển; vừa giải quyết được những vấn đề chung cả trước mắt và lâu dài của nhân loại; vừa đáp ứng được những mối quan tâm cụ thể của các quốc gia và cộng đồng trên thế giới.

Theo xu hướng đó, các đảng cộng sản và công nhân ngày nay đều chủ trương tăng trưởng kinh tế đi đôi với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường sinh thái; xử lý hài hoà mối quan hệ giữa yêu cầu đổi mới và ổn định, giữa dân chủ hoá với trật tự, kỷ cương; thực hiện đường lối đối ngoại hoà bình và rộng mở, đa phương, đa dạng hoá trên cơ sở tôn trọng luật pháp quốc tế, hợp tác bình

đảng, cùng có lợi,...Những nước đang phát triển đi theo con đường xã hội chủ nghĩa đều thực hiện chiến lược phát triển nhanh và bền vững; coi trọng nguồn vốn, công nghệ, thể chế và nhất là nguồn lực văn hoá, con người; phát huy tốt vai trò của cả khu vực kinh tế nhà nước và khu vực kinh tế tư nhân; chủ động và tích cực hội nhập quốc tế sâu rộng; khai thác có hiệu quả cả nguồn lực trong nước và nguồn lực nước ngoài, v.v.

Chúng tôi cho rằng, Đảng Cộng sản Nhật Bản và Đảng Cộng sản Việt Nam cần tiếp tục nghiên cứu sâu, phân tích dự báo rõ hơn những xu hướng phát triển này của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thế kỷ XXI.

Thưa các đồng chí!

Ngay từ khi mới thành lập và trong suốt quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng Cộng sản Việt Nam luôn kiên định mục tiêu “*độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội*” - một cách tiếp cận hoàn toàn mới, thể hiện sự vận dụng và phát triển sáng tạo chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam.

Trước yêu cầu phát triển đất nước trong giai đoạn mới và để phù hợp với

xu thế thời đại, Đảng Cộng sản Việt Nam đã từng bước đổi mới tư duy lý luận về chủ nghĩa xã hội; khởi xướng và lãnh đạo công cuộc Đổi mới, chuyển từ nền kinh tế kế hoạch hóa tập trung, khép kín sang nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa, mở cửa và hội nhập quốc tế. Đổi mới là quá trình thay đổi sâu sắc về nhận thức, phát triển sáng tạo tư duy lý luận, đường lối chiến lược xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc trong giai đoạn mới, đánh dấu bước chuyển có ý nghĩa cực kỳ quan trọng trên con đường xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam.

Trong quá trình Đổi mới, Đảng Cộng sản Việt Nam không ngừng nghiên cứu, tìm tòi, hoàn thiện mô hình chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội Việt Nam, của Việt Nam và do nhân dân Việt Nam thực hiện.

Thứ nhất, xã hội xã hội chủ nghĩa mà nhân dân Việt Nam xây dựng có 8 *đặc trưng*, vừa mang giá trị, bản sắc và khát vọng phát triển của nhân dân Việt Nam, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam, vừa mang những

giá trị phổ quát, tiến bộ của nhân loại, với mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh; do nhân dân làm chủ; có nền kinh tế phát triển cao dựa trên lực lượng sản xuất hiện đại và quan hệ sản xuất tiến bộ phù hợp; có nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc; con người có cuộc sống ấm no, tự do, hạnh phúc, có điều kiện phát triển toàn diện; các dân tộc trong cộng đồng Việt Nam bình đẳng, đoàn kết, tôn trọng và giúp nhau cùng phát triển; có Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân do Đảng Cộng sản Việt Nam lãnh đạo; có quan hệ hữu nghị và hợp tác với các nước trên thế giới¹.

Thứ hai, mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam có ba trụ cột:

i- Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa là mô hình phát triển tổng quát của nền kinh tế Việt Nam - một đột phá lý luận rất cơ bản và sáng tạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là nền kinh tế thị trường hiện đại, hội nhập quốc tế, vừa vận hành đầy đủ, đồng bộ theo các quy luật của kinh tế thị trường, vừa bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa, có sự quản lý của

Nhà nước, do Đảng Cộng sản lãnh đạo². Nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa lấy nhân dân làm trung tâm; là nền kinh tế vì con người, hướng tới mục tiêu phát triển con người; bảo đảm tăng trưởng kinh tế đi đôi với phát triển văn hóa, thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội, bảo vệ môi trường ngay trong từng bước đi, từng chính sách và suốt quá trình phát triển.

ii- Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam của dân, do dân, vì dân dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Đó là nhà nước mang giá trị dân chủ và nhân văn sâu sắc, bảo đảm và bảo vệ quyền con người, quyền công dân, công bằng và công lý; quyền của nhân dân là tối thượng, mọi quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân. Nhà nước được tổ chức và hoạt động theo Hiến pháp và pháp luật, quản lý phát triển xã hội bằng Hiến pháp và pháp luật; vận dụng và thực hành sáng tạo nguyên tắc: quyền lực nhà nước là thống nhất, có sự phân công rành mạch, phối hợp rõ ràng và kiểm soát chặt chẽ quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp và tư pháp.

iii- Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa là phương thức để phát huy hiệu quả vai trò, trách nhiệm và quyền làm chủ của nhân dân. Nền dân chủ xã hội chủ nghĩa Việt Nam có sự kết hợp thống nhất giữa các giá trị phổ biến, tiến bộ của nhân loại với các giá trị đặc thù, phù hợp với hệ thống chính trị Việt Nam và cơ chế vận hành: “Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, Nhân dân làm chủ”. Đó là nền dân chủ mang bản chất nhân văn, giải phóng con người, bảo đảm quyền làm chủ của nhân dân trên thực tế; thực hành theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân giám sát, dân thụ hưởng”; phát huy dân chủ phải gắn với tăng cường pháp chế, bảo đảm trật tự, kỷ cương xã hội.

Thứ ba, để xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam cần tiến hành 8 *phương hướng cơ bản*, đó là: đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước gắn với phát triển kinh tế tri thức, bảo vệ tài nguyên môi trường; phát triển nền kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa; xây dựng nền văn hóa tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, xây dựng con người, nâng cao đời sống nhân dân, thực hiện tiến bộ và công

bằng xã hội; bảo đảm vững chắc quốc phòng và an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội; thực hiện đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa phương hóa, đa dạng hóa, hòa bình, hữu nghị, hợp tác và phát triển, chủ động và tích cực hội nhập quốc tế; xây dựng nền dân chủ xã hội chủ nghĩa, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc, kết hợp với sức mạnh thời đại; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của nhân dân, do nhân dân, vì nhân dân; xây dựng Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh toàn diện³.

Đặc biệt, cần nắm vững, quán triệt sâu sắc và xử lý tốt *10 mối quan hệ lớn* phản ánh những vấn đề mang tính quy luật biện chứng của quá trình xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa. Đó là: (1) quan hệ giữa ổn định, đổi mới và phát triển; (2) giữa đổi mới kinh tế và đổi mới chính trị; (3) giữa tuân theo các quy luật thị trường và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa; (4) giữa phát triển lực lượng sản xuất và xây dựng, hoàn thiện từng bước quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa; (5) giữa Nhà nước, thị trường và xã hội; (6) giữa

tăng trưởng kinh tế và phát triển văn hoá, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, bảo vệ môi trường; (7) giữa xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; (8) giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; (9) giữa Đảng lãnh đạo, Nhà nước quản lý, nhân dân làm chủ; (10) giữa thực hành dân chủ và tăng cường pháp chế, bảo đảm kỷ cương xã hội⁴.

Một vấn đề có ý nghĩa then chốt là: sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội Việt Nam phải luôn được đặt dưới *sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng*; quán triệt sâu sắc bài học “dân là gốc”, nhân dân là trung tâm của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc, là chủ thể của công cuộc đổi mới. Đây là những nhân tố hàng đầu, có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam và sự thành công của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam.

Thưa các đồng chí,

Qua hơn 35 năm tiến hành công cuộc Đổi mới và hơn 30 năm thực hiện *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội*, Đảng Cộng sản Việt Nam đã hình thành, từng bước hoàn thiện *hệ thống*

lý luận về đường lối đổi mới, thể hiện những quan điểm chỉ đạo, tầm nhìn, mục tiêu và các định hướng xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc, đúc kết những bài học kinh nghiệm, những mối quan hệ lớn phản ánh các quy luật khách quan để tiếp tục bổ sung, phát triển sáng tạo lý luận về chủ nghĩa xã hội và con đường lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam trong giai đoạn mới.

Những thành tựu to lớn, có ý nghĩa lịch sử đạt được trong quá trình Đổi mới hơn 35 năm qua đang từng bước xác lập và khẳng định “*mô hình phát triển Việt Nam*” với diện mạo nổi bật là *sự ổn định, đổi mới, phát triển nhanh và bền vững, lấy con người làm trung tâm*. Thực tiễn giai đoạn vừa qua cho thấy, với phương châm chủ động, sáng tạo và thích ứng linh hoạt, Việt Nam đã thực hiện thành công “mục tiêu kép”: vừa duy trì phát triển kinh tế - xã hội; vừa tập trung phòng, chống dịch COVID-19 hiệu quả, bảo vệ sức khoẻ và bảo đảm an toàn cho người dân được cộng đồng quốc tế đánh giá cao; đồng thời, Việt Nam trở thành một điểm sáng trên thế giới về phục hồi và phát triển kinh tế trong bối cảnh thế

giới đang thay đổi nhanh, bất ổn, bất định và khó dự báo. Đại hội lần thứ XIII của Đảng Cộng sản Việt Nam đã đề ra mục tiêu và lộ trình phát triển đất nước với những chuyển biến qua từng dấu mốc quan trọng, đó là kỷ niệm 100 năm thành lập Đảng và 100 năm thành lập Nước, phân đấu đến giữa thế kỷ 21, Việt Nam trở thành nước phát triển, thu nhập cao, theo định hướng xã hội chủ nghĩa, cùng tiến bước, sánh vai với các cường quốc năm châu như ước nguyện của Chủ tịch Hồ Chí Minh và toàn thể dân tộc. Giáo sư Furuta Motoo, Hiệu trưởng Trường Đại học Việt - Nhật đã viết, “Việt Nam thành công và đạt được mục tiêu này thì nhiều người trên thế giới sẽ nhất định thừa nhận ‘mô hình Việt Nam’”.

Vượt qua nhiều khó khăn, thách thức, chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới đang thể hiện một sức sống mới trong thế kỷ XXI. Với tinh thần trao đổi khoa học thẳng thắn và trách nhiệm, tôi tin tưởng rằng, Hội thảo trao đổi lý luận của hai Đảng chúng ta sẽ có những đóng góp thiết thực đối với nhiệm vụ phát triển lý luận phục vụ sự nghiệp xây dựng Đảng, xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam và Nhật Bản, thúc đẩy mối quan hệ giữa hai Đảng và Nhân dân hai nước phát triển lên một tầm cao mới.

Chúc Hội thảo trao đổi lý luận lần thứ 10 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Nhật Bản thành công tốt đẹp!

Xin trân trọng cảm ơn các đồng chí! ■

^{1,3} Xem: ĐCSVN: *Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội (bổ sung, phát triển) năm 2011*.

^{2,4} Xem: ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nhà xuất bản Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội.

QUAN ĐIỂM CỦA CHỦ NGHĨA MÁC - LÊNIN VÀ ĐẢNG TA VỀ VỊ TRÍ, VAI TRÒ CỦA TRÍ THỨC

● GS, TS TRẦN VĂN PHÒNG

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Chủ nghĩa Mác - Lênin và Đảng Cộng sản Việt Nam luôn luôn quan tâm tới đội ngũ trí thức và đánh giá cao vị trí, vai trò của trí thức trong đời sống xã hội nói chung, trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc chủ nghĩa xã hội nói riêng.

Các nhà sáng lập chủ nghĩa Mác - Lênin đã phát hiện ra rằng trí thức ra đời gắn liền với sự phân công lao động xã hội và cụ thể là sự tách lao động sản xuất tinh thần ra khỏi lao động vật chất. Các ông viết: “Phân công lao động chỉ trở thành sự phân công lao động thực sự từ khi xuất hiện sự phân chia thành lao động vật chất và lao động tinh thần”¹ và “ăn khớp với điều đó là hình thức đầu tiên của những nhà tư tưởng, tức là cha cố”². Như vậy, trí thức là những người lao động trí óc trong lĩnh vực sản xuất tinh thần. C.Mác và Ph.Ăngghen cũng chỉ ra rằng trong mỗi thời đại lịch sử khác nhau, vai trò

của trí thức cũng khác nhau. Trí thức có vị trí, vai trò to lớn đối với sự phát triển xã hội. Song vai trò của họ được phát huy đến mức độ nào, phát huy vì mục tiêu gì thì lại bị chi phối bởi các điều kiện khách quan, chủ quan của mỗi giai đoạn lịch sử cụ thể. Trong chủ nghĩa tư bản, trí thức được các nhà tư bản sử dụng vì mục tiêu làm giàu của chính các nhà tư bản, bóc lột lao động của người lao động: “Bác sĩ, luật gia, tu sĩ, thi sĩ, bác học đều bị giai cấp tư sản biến thành những người làm thuê được trả lương của nó”³.

Trong quá trình đấu tranh của giai cấp vô sản, một mặt được giai cấp vô sản giác ngộ, mặt khác bản thân nhiều

trí thức đã tự giác ngộ giai cấp ra nhập vào đội ngũ những người vô sản. “Đó là bộ phận những nhà tư tưởng tư sản đã vươn lên nhận thức được, về mặt lý luận, toàn bộ quá trình vận động lịch sử”⁴. C.Mác, Ph.Ăngghen cũng chỉ rõ chỉ có giai cấp công nhân mới là giai cấp có thể giải phóng trí thức khỏi mọi sự áp bức, bóc lột, tạo ra những điều kiện cần thiết cho hoạt động sáng tạo của trí thức đạt hiệu quả. C.Mác viết: “Chỉ có giai cấp công nhân mới có thể giải phóng họ khỏi sự bạo ngược của những linh mục, làm cho khoa học không còn là một công cụ chính trị giai cấp mà là một sức mạnh của nhân dân, làm cho bản thân những nhà bác học không còn là những tông phạm của những thành kiến giai cấp, là những kẻ ăn bám nhà nước sẵn đuổi địa vị béo bở và là những kẻ đồng minh của tư bản, mà là những tác nhân tự do của tư duy! Khoa học chỉ có thể đóng vai chân chính của nó trong nền cộng hòa của lao động”⁵. Khi trí thức của xã hội cũ được giác ngộ ý thức giai cấp của giai cấp công nhân, đi theo và thấm nhuần thế giới quan của giai cấp công nhân thì họ sẽ trở thành “giai cấp vô sản lao

động trí óc”⁶- trí thức mới của giai cấp công nhân.

Khi cách mạng xã hội chủ nghĩa thành công, cũng như các giai cấp lao động khác, trí thức cũng được giải phóng và trở thành những chủ thể mới cùng tham gia xây dựng xã hội xã hội chủ nghĩa. Trong chủ nghĩa xã hội, vai trò của trí thức càng trở nên quan trọng. Nói về điều này, Ph.Ăngghen viết: “Các cuộc cách mạng tư sản trước đây đòi hỏi các trường đại học chỉ đào tạo ra các trạng sư làm nguyên liệu tốt nhất để hình thành nên những nhà hoạt động chính trị của chúng; ngoài đòi hỏi đó, sự nghiệp giải phóng giai cấp công nhân còn cần phải có những bác sĩ, kỹ sư, nhà hóa học, nông học và các chuyên gia khác, vì vấn đề là phải nắm lấy việc quản lý không phải chỉ bộ máy chính trị, mà còn cả toàn bộ nền sản xuất xã hội nữa, và ở đây cần đến những kiến thức vững chắc chứ không phải là những câu xuông xáo oang oang”⁷.

Sau này, V.I.Lênin đã có những luận điểm bổ sung quan trọng về trí thức. Ông cho rằng trí thức là một “tầng lớp đặc biệt”⁸. bởi lẽ, trí thức không phải là một giai cấp độc lập bởi vì họ không có

quan hệ sở hữu riêng và trực tiếp đối với tư liệu sản xuất. Hơn nữa, trong xã hội có đối kháng giai cấp, trí thức luôn mang tính chất trung gian. Họ sẽ nghiêng về giai cấp nào mà đáp ứng lợi ích thiết thân cho họ. V.I.Lênin đã viết: “Tầng lớp này chiếm một địa vị độc đáo trong các giai cấp khác, một phần thì họ gắn với giai cấp tư sản xét về những mối liên hệ của họ, những quan điểm của họ... và một phần thì họ gắn với những người lao động làm thuê”⁹. Tất nhiên, tính trung gian, đặc biệt ở đây không phải là họ là lực lượng “siêu giai cấp”, “đứng trên mọi giai cấp” như các nhà tư tưởng tư sản thường khẳng định. Trong một thể chế chính trị - xã hội nhất định, trí thức luôn thuộc về giai cấp thống trị do hệ thống giáo dục của nhà nước, của thể chế chính trị ấy tạo ra. Chính vì vậy, trí thức dù tự giác hay không đều phục vụ cho chế độ thống trị và giai cấp thống trị. Bởi lẽ, “Nếu không nhập cục với một giai cấp thì giới trí thức chỉ là một con số không mà thôi”¹⁰. Nhưng trong một chế độ áp bức, bóc lột trí thức không thể không nhập cục với giai cấp thống trị.

Một đặc điểm rất đáng lưu ý theo V.I.Lênin lao động của trí thức mang

tính độc lập cao và đậm dấu ấn cá nhân. V.I.Lênin viết: “so với giai cấp vô sản thì giới trí thức bao giờ cũng có nhiều tính chất cá nhân chủ nghĩa hơn, ấy là do những điều kiện cơ bản của đời sống và công tác của họ không cho phép họ thống nhất lực lượng một cách trực tiếp và rộng rãi, không cho họ được giáo dục trực tiếp trong lao động tập thể có tổ chức”¹¹. Chính đặc điểm này của trí thức dễ làm cho họ thờ ơ với chính trị. Không phải ngẫu nhiên mà V.I.Lênin viết: “Người trí thức cấp tiến, người trí thức xã hội chủ nghĩa rất dễ biến thành quan lại của chính phủ nhà vua, thành một anh quan lại tự an ủi rằng ở trong nếp cũ quan trường, mình cũng “có ích” và viện “sự có ích” đó để bào chữa cho thái độ lãnh đạm của mình đối với chính trị”¹².

V.I.Lênin đánh giá vai trò to lớn của trí thức đối với quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội. Cũng giống như C.Mác và Ph.Ăngghen, V.I.Lênin khẳng định trí thức đóng một vai trò hết sức to lớn đối với phát triển xã hội. Khi xây dựng chủ nghĩa xã hội thì vai trò của trí thức càng được khẳng định. V.I.Lênin viết: “Không có sự chỉ đạo của các chuyên

gia am hiểu các lĩnh vực khoa học, kỹ thuật và có kinh nghiệm thì không thể nào chuyển lên chủ nghĩa xã hội được”¹³. Bởi lẽ, cách mạng xã hội chủ nghĩa là một cuộc cách mạng làm thay đổi sâu sắc mọi lĩnh vực của đời sống xã hội. Do vậy, muốn xây dựng chủ nghĩa xã hội thành công đòi hỏi phải dựa trên cơ sở một nền giáo dục và đào tạo, khoa học và kỹ thuật (công nghệ) hiện đại với một phương thức quản lý khoa học. Như vậy, vai trò của trí thức trong xây dựng chủ nghĩa xã hội là tất yếu khách quan.

V.I.Lênin cũng cho rằng để xây dựng chủ nghĩa xã hội, Đảng của giai cấp công nhân nhất thiết “phải nhờ đến sự giúp đỡ của các chuyên gia tư sản”¹⁴ và đào tạo trí thức của mình; thậm chí khi cần thiết phải “trả tiền công cao cho những chuyên gia giỏi nhất trong mỗi lĩnh vực” vì đó là một khoản học phí cần thiết để giai cấp công nhân có thể học những kinh nghiệm tổ chức, quản lý quá trình sản xuất từ các chuyên gia tư sản.

Đồng thời, Đảng của giai cấp công nhân phải biết “tạo ra tầng lớp trí thức riêng của mình”¹⁵. V.I.Lênin cũng lưu ý rằng việc đào tạo đội ngũ trí thức

mới không phải là một nhiệm vụ dễ dàng, giai cấp công nhân sẽ “gặp muôn vàn khó khăn trong việc đào tạo đội ngũ trí thức của mình”¹⁶. Để phát huy và sử dụng hiệu quả trí thức của chế độ cũ cũng như trí thức của mình, giai cấp công nhân phải “hết sức bớt ra mệnh lệnh... mà đối xử với các chuyên gia khoa học kỹ thuật... một cách thận trọng và khéo léo”¹⁷. V.I.Lênin cũng căn dặn Đảng của giai cấp công nhân cần phải tìm cho mình ngày càng nhiều chuyên gia, trí thức, và biết tạo điều kiện cho họ làm việc, phát huy sức sáng tạo.

Hồ Chí Minh trên cơ sở kế thừa những tư tưởng của chủ nghĩa Mác-Lênin đã nhận thức rất rõ vị trí, vai trò của trí thức trong xã hội chủ nghĩa. Đặc biệt, trong tác phẩm “Sửa đổi lối làm việc”, Người đã đưa ra định nghĩa: “Trí thức là hiểu biết. Trong thế giới chỉ có hai thứ hiểu biết: một là hiểu biết sự tranh đấu sinh sản. Khoa học tự nhiên do đó mà ra. Hai là hiểu biết tranh đấu dân tộc và tranh đấu xã hội. Khoa học xã hội do đó mà ra. Ngoài hai cái đó không có trí thức nào khác”¹⁸. Trên cơ sở đó, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định vai trò quan

trọng của trí thức đối với cách mạng Việt Nam. Người coi “Trí thức là vốn liếng quý báu của dân tộc”¹⁹; là “một phần tương lai của dân tộc”²⁰; “có đầu óc dân tộc và đầu óc cách mạng”²¹, “có học thức, để có cảm giác chính trị,... để tiếp thu sự giáo dục cách mạng và cùng đi với công nông”²². Do vậy, Đảng là phải có biện pháp lôi kéo trí thức đi theo và ủng hộ để tăng sức mạnh cho mình. Người căn dặn: “Đảng phải hết sức liên lạc với tiểu tư sản, trí thức, thanh niên, Tân Việt,.. để kéo họ đi vào phe vô sản giai cấp”²³.

Vai trò to lớn của trí thức được thể hiện cả trong cách mạng giải phóng dân tộc, cả trong cách mạng xây dựng chủ nghĩa xã hội. Người xác định: “Lao động trí óc có nhiệm vụ rất quan trọng trong sự nghiệp kháng chiến, kiến quốc, trong công cuộc hoàn thành dân chủ mới để tiến lên chủ nghĩa xã hội”²⁴. Trí thức trong cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân, có vai trò tuyên truyền, giáo dục, thuyết phục quần chúng những tư tưởng cách mạng, đấu tranh chống lại những luận điệu sai trái, thù địch.

Trong cách mạng xã hội chủ nghĩa, “Trí thức phục vụ nhân dân bây giờ

cũng cần, kháng chiến kiến quốc cũng cần, tiến lên xã hội chủ nghĩa càng cần, tiến lên cộng sản chủ nghĩa lại càng cần”²⁵. Hồ Chủ tịch nhấn mạnh: “muốn phát triển văn hoá thì phải cần thầy giáo, muốn phát triển sức khoẻ của nhân dân thì phải cần thầy thuốc, muốn phát triển kỹ nghệ thì phải cần các kỹ sư”²⁶. Như vậy, vai trò của trí thức vô cùng to lớn trong cách mạng Việt Nam. Tất nhiên, đây là vai trò của những trí thức chân chính, một lòng, một dạ phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Người trí thức chân chính theo Hồ Chí Minh phải là người trí thức hoàn toàn, nghĩa là phải biết vận dụng tri thức của mình phục vụ cuộc sống, phục vụ nhân dân, phục vụ cách mạng. Người viết: “Một người học xong đại học, có thể gọi là trí thức. Song y không biết cày ruộng, không biết làm công, không biết đánh giặc, không biết làm nhiều việc khác. Nói tóm lại: công việc thực tế, y không biết gì cả. Thế là y chỉ có trí thức một nửa. Trí thức của y là trí thức học sách, chưa phải trí thức hoàn toàn. Y muốn thành một người trí thức toàn toàn, thì phải biết đem trí thức đó áp dụng vào

thực tế²⁷. Cho nên điều quan trọng là phải biết vận dụng trí thức vào cuộc sống, vào phục vụ Tổ quốc, phục vụ nhân dân.

Những tư tưởng này của Hồ Chí Minh làm cơ sở nền tảng cho Đảng ta nhận thức, đánh giá về vị trí, vai trò của trí thức. Tại Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X về “Xây dựng đội ngũ trí thức thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”, Đảng Cộng sản Việt Nam đã đưa ra quan niệm về trí thức: *“Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu trí thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội”*²⁸. Từ quan niệm về trí thức như vậy, nên Đảng ta đánh giá cao vị trí, vai trò của đội ngũ

trí thức. Vị trí, vai trò của trí thức nước nhà được thể hiện cụ thể trên các lĩnh vực sau:

Một là, cùng với sự phát triển của đất nước, đội ngũ trí thức đã tăng nhanh về số lượng, nâng lên về chất lượng; góp phần trực tiếp cùng toàn dân đưa nước ta ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, từng bước xoá đói, giảm nghèo, phát triển đất nước, nâng cao chất lượng cuộc sống. Hiện nay, cơ cấu lao động theo trình độ được đào tạo đã có sự tăng cao. Tỷ lệ lao động có trình độ đại học, cao đẳng cũng tăng nhanh. Tỷ trọng lao động được đào tạo từ đại học trở lên trong những ngành dịch vụ cao hơn so với ngành sản xuất. *Đội ngũ trí thức là nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế tri thức, kinh tế số, kinh tế xanh của đất nước. Đội ngũ trí thức Việt Nam còn là một thành tố*

Một người học xong đại học, có thể gọi là trí thức. Song y không biết cày ruộng, không biết làm công, không biết đánh giặc, không biết làm nhiều việc khác. Nói tóm lại: công việc thực tế, y không biết gì cả. Thế là y chỉ có trí thức một nửa. Trí thức của y là trí thức học sách, chưa phải trí thức hoàn toàn. Y muốn thành một người trí thức toàn toàn, thì phải biết đem trí thức đó áp dụng vào thực tế”².

HỒ CHÍ MINH

thống nhất hữu cơ không thể tách rời trong khối liên minh công – nông – trí ở Việt Nam. Do vậy, đội ngũ trí thức Việt Nam không chỉ được Đảng Cộng sản Việt Nam đánh giá cao về phát triển kinh tế mà còn đánh giá cao về xây dựng, phát triển xã hội, thực hiện đại đoàn kết toàn dân tộc.

Hai là, đội ngũ trí thức đã đóng góp tích cực vào xây dựng những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước, góp phần làm sáng tỏ con đường phát triển của đất nước và giải đáp những vấn đề mới phát sinh trong sự nghiệp đổi mới; trực tiếp đào tạo nguồn nhân lực, nâng cao dân trí và bồi dưỡng nhân tài; sáng tạo những công trình có giá trị về tư tưởng và nghệ thuật, nhiều sản phẩm chất lượng cao, có sức cạnh tranh; từng bước nâng cao trình độ khoa học và công nghệ của đất nước, vươn lên tiếp cận với trình độ của khu vực và thế giới. Đội ngũ trí thức Việt Nam cũng là một trong những lực lượng nòng cốt trong bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác các quan điểm sai trái, thù địch. Đồng thời, chính họ là những người tham gia trực

tiếp vào xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, tiếp thu tinh hoa văn hóa nhân loại rồi chuyển tải vào văn hóa Việt Nam. Họ là những người trực tiếp góp phần xây dựng đời sống văn hóa tinh thần lành mạnh cho nhân dân.

Ba là, bộ phận trí thức tham gia công tác lãnh đạo, quản lý đã phát huy tốt vai trò và khả năng, góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị, nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, trình độ quản lý của Nhà nước. Chính đội ngũ trí thức Việt Nam trực tiếp góp phần vào xây dựng phong cách lãnh đạo khoa học, dân chủ, nhân văn.

Bốn là, đội ngũ trí thức trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh là lực lượng nòng cốt xây dựng lực lượng vũ trang cách mạng, chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại. Chnh họ là những người góp phần tổng kết, rút ra những bài học nghệ thuật quân sự giá trị của ông, cha để lưu truyền và gìn giữ cho các thế hệ ngày mai. Họ cũng là những người góp phần hình thành nên đường lối quân sự Việt Nam.

Năm là, nhiều trí thức trẻ thể hiện tính năng động, sáng tạo, thích ứng

nhanh với kinh tế thị trường và hội nhập kinh tế quốc tế. Đa số trí thức Việt Nam ở nước ngoài luôn hướng về Tổ quốc; nhiều người đã về nước làm việc, hoạt động trong các lĩnh vực khác nhau, có những đóng góp thiết thực vào sự nghiệp phát triển đất nước²⁹.

Trên cơ sở quan niệm về vị trí, vai trò của đội ngũ trí thức Việt Nam như trên, Đại hội XIII của Đảng đề ra nhiệm vụ “Xây dựng đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới”³⁰. Để thực hiện được nhiệm vụ này, Đại hội XIII yêu cầu “Có cơ chế phát huy dân chủ, tự do sáng tạo và đề cao đạo đức, trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học. Ưu tiên đầu tư phát triển hạ tầng, môi trường làm việc, nghiên cứu, đổi mới, sáng tạo của trí thức. Trọng dụng, đãi ngộ thỏa đáng đối với nhân tài, các nhà khoa học và công

nghệ Việt Nam có trình độ chuyên môn cao ở trong nước và nước ngoài, [...]. Thật sự tôn trọng, tạo điều kiện nâng cao hiệu quả hoạt động tư vấn, phản biện của chuyên gia, đội ngũ trí thức”³¹. Những quan điểm này hoàn toàn đúng đắn. Quán triệt tốt chúng ta sẽ từng bước xây dựng được đội ngũ trí thức ngày càng lớn mạnh, có chất lượng cao, đáp ứng yêu cầu phát triển đất nước trong tình hình mới.

Tóm lại, chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh và Đảng Cộng sản Việt Nam luôn đánh giá cao vị trí, vai trò của trí thức trong công cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc cũng như trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc xã hội chủ nghĩa. Do vậy, trong quá trình lãnh đạo cách mạng, Đảng và Nhà nước cần có cơ chế, chính sách phù hợp để lôi cuốn, thu hút và phát huy vai trò của trí thức ■

^{1,2} C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.3, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.45, 45.

^{3,4} C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.600, 610.

- ^{5,6} C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.17, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.732, 732
- ⁷ C.Mác và Ph.Ăngghen: *Toàn tập*, t.22, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 1995, tr.613-614.
- ⁸ V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.41, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova, Hà Nội, 1977, tr.300.
- ⁹ V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.37, Tiến Bộ, Mátxcova, Hà Nội, 1977, tr.264
- ¹⁰ V.I.Lênin, *Toàn tập*, t.35, Tiến Bộ, Mátxcova, Hà Nội, 1977, tr.552.
- ¹¹ V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.51, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova, 1977, tr.18.
- 12 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.36, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova, 1977, tr.565.
- 13 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.49, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova, 1977, tr.217.
- 14 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.50, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova, 1977, tr.170.
- 15 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.39, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova, 1977, tr.480.
- 16 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.58, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova, 1977, tr.224.
- 17 V.I.Lênin: *Toàn tập*, t.54, Nxb Tiến Bộ, Mátxcova, 1977, tr.434.
- ^{18, 19, 27} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.5, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.235, 156, 235.
- ²⁰ Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.220
- ^{21, 22, 25, 26} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.7, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.34; tr.214, tr.34; tr.214, 39, 32-33..
- ^{23, 24} Hồ Chí Minh: *Toàn tập*, t.6, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2002, tr.203, 203.
- ²⁸ ĐCSVN: *Văn kiện Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 2008 tr.81-82 (Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X "Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước"), Tạp chí Tuyên giáo (tuyengiao.vn), truy cập ngày 16/8/2008.
- ²⁹ Nghị quyết Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương khóa X "Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước", Tạp chí Tuyên giáo (tuyengiao.vn), truy cập ngày 16/8/2008.
- ^{30, 31} ĐCSVN: *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, Nxb Chính trị quốc gia Sự thật, Hà Nội, 2021, tr.167, 167.

TRIỂN KHAI NGHỊ QUYẾT TRUNG ƯƠNG 7 KHÓA X VỀ XÂY DỰNG, PHÁT HUY VAI TRÒ ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC TRONG LỰC LƯỢNG CÔNG AN - THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

● Thượng tướng **TRẦN QUỐC TỎ**

Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Đảng,

Phó Bí thư Đảng ủy Công an Trung ương,

Thứ trưởng Bộ Công an

1. Việc quán triệt triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X trong lực lượng Công an nhân dân

Quán triệt, triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước; trên cơ sở xác định vị trí, tầm quan trọng của đội ngũ trí thức Công an nhân dân (CAND) trong bối cảnh đất nước hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng, khoa học công nghệ phát triển mạnh; Đảng ủy Công an Trung ương (CATW) đã ban hành Nghị quyết số 09-NQ/ĐUCA(X11) ngày 20-01-2010 về “*Xây dựng đội ngũ trí thức*

CAND thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” (sau đây viết tắt là Nghị quyết số 09-NQ/ĐUCA(X11)) và nhiều kế hoạch, chương trình hành động, tổ chức hội thảo khoa học; yêu cầu các cấp ủy Đảng thuộc Đảng ủy CATW, các Đảng ủy Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/ĐUCA(X11) và tổ chức hội nghị để quán triệt đến cán bộ chủ chốt, đảng viên trong đơn vị, địa phương;... Bên cạnh đó, Đảng ủy CATW và lãnh đạo Bộ Công an còn thực hiện nhiều đề án, dự án, ban hành thông tư, quyết định

để thể chế hóa chủ trương, quan điểm của Đảng thành các quy định nhằm xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức CAND đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ bảo đảm an ninh, trật tự trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, nâng tầm trí tuệ, sức mạnh của lực lượng CAND, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới.

Thực hiện chỉ đạo của Đảng ủy CATW, lãnh đạo Bộ Công an, các cấp ủy đảng Công an tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các đơn vị trực thuộc Bộ Công an (*sau đây viết tắt là Công an đơn vị, địa phương*) đã cụ thể hóa quan điểm chỉ đạo, mục tiêu, nội dung, giải pháp thực hiện trong Nghị quyết Trung ương 7 khóa X, Nghị quyết số 09-NQ/ĐUCA(X11) bằng nghị quyết, kế hoạch, chương trình hành động với chỉ tiêu cụ thể để xây dựng đội ngũ trí thức và tổ chức thực hiện phù hợp với đặc điểm tình hình của đơn vị, địa phương mình. Các quan điểm chỉ đạo, quy định của Đảng, Nhà nước và Bộ Công an về xây dựng đội ngũ trí thức được các cấp ủy đảng Công an đơn vị, địa phương tổ chức nghiên cứu, thảo luận dân chủ nhằm thống nhất phương pháp, biện

pháp, nội dung triển khai thực hiện và đã tổ chức phổ biến, quán triệt nghiêm túc đến từng cán bộ, chiến sĩ bằng nhiều hình thức khác nhau như tổ chức hội nghị phổ biến, quán triệt; hội nghị sơ kết, tổng kết; phổ biến, quán triệt trong sinh hoạt đảng, sinh hoạt chi bộ, giao ban đơn vị; sao gửi tài liệu.... Công an đơn vị, địa phương đều lập hồ sơ chuyên để theo dõi, định kỳ báo cáo đánh giá việc thực hiện theo các chỉ tiêu theo kế hoạch đề ra.

Nhìn chung, Đảng ủy CATW, Bộ Công an đã tổ chức nghiên cứu, quán triệt thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X đến toàn bộ đảng viên, cán bộ, chiến sĩ trong lực lượng CAND một cách nghiêm túc, có chất lượng, hiệu quả; đã tạo được sự chuyển biến mạnh mẽ trong nhận thức và hành động của lãnh đạo và cán bộ, chiến sĩ toàn lực lượng CAND. Nhận thức của Công an đơn vị, địa phương về vai trò, vị trí của trí thức CAND trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia (ANQG), bảo đảm trật tự an toàn xã hội (TTATXH) được nâng lên. Các cấp ủy đảng, lãnh đạo, chỉ huy Công an đơn vị, địa phương đều nhận thức rõ việc xây dựng đội

ngũ trí thức CAND đóng vai trò quan trọng, là khâu đột phá và có ý nghĩa quyết định đến việc xây dựng đội ngũ cán bộ Công an các cấp, nhất là cấp

chiến lược đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới. Từ nhận thức đó, Công an đơn vị, địa phương đã tăng cường cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn, trình độ lý luận chính trị, trình độ tin học, ngoại ngữ nhằm tăng cường, bổ sung cán bộ có trình độ, năng lực chuyên môn cao, kiến thức sâu rộng trên các lĩnh vực cho đội ngũ trí thức CAND; đồng thời, xây dựng, hoàn thiện tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, chỉ huy, chức danh nghiệp

vụ chuyên môn và khung tiêu chuẩn, tiêu trí bố trí cán bộ ở bốn cấp Công an để bố trí cán bộ theo đúng chuyên môn, trình độ đào tạo, nhằm phát huy cao nhất sự đóng góp của đội ngũ trí

thức CAND trong sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự và xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại.

2. Thực trạng xây dựng, phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong lực lượng Công an nhân dân

Công tác Công an là một lĩnh vực lao động đặc biệt; sản phẩm, chất lượng kết quả lao động của cán bộ, chiến sĩ CAND là thành quả bảo vệ vững chắc ANQG, bảo đảm TTATXH, bảo vệ cuộc sống bình yên và hạnh phúc của nhân dân... Do vậy, đội ngũ trí thức CAND mang một số nét đặc thù, khác với đội ngũ trí thức của các ngành, lực lượng khác. Trên cơ sở Nghị quyết số 27-NQ/TW, đặc điểm

riêng của công tác Công an, Đảng ủy CATW đã đưa ra khái niệm trí thức CAND trong Nghị quyết số 09-NQ/ĐUCA(X11), đó là “*Trí thức trong CAND là những cán bộ có trình độ đại*

Trí thức trong CAND là những cán bộ có trình độ đại học trở lên, có trình độ lý luận chính trị và chuyên môn cao, có tư duy độc lập để nghiên cứu tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, truyền bá lý luận CAND; nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật để tạo ra những sản phẩm nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự, xây dựng lực lượng CAND và góp phần xây dựng, bảo vệ Tổ quốc?”

học trở lên, có trình độ lý luận chính trị và chuyên môn cao, có tư duy độc lập để nghiên cứu tổng kết thực tiễn, nghiên cứu, truyền bá lý luận CAND; nghiên cứu, ứng dụng các thành tựu khoa học - kỹ thuật để tạo ra những sản phẩm nâng cao hiệu quả công tác bảo đảm an ninh, trật tự, xây dựng lực lượng CAND và góp phần xây dựng, bảo vệ Tổ quốc”.

Trên cơ sở khái niệm trí thức trong CAND, Đảng ủy CATW xác định mục tiêu xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức CAND là một nhiệm vụ quan trọng trong công tác xây dựng lực lượng CAND; đã quan tâm, chú trọng xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức CAND ngày càng lớn mạnh cả về số lượng và chất lượng, đảm bảo cơ cấu hợp lý giữa các cấp Công an, giữa các lực lượng, các chuyên ngành khoa học, lĩnh vực hoạt động giảng dạy, nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu của nhiệm vụ bảo vệ ANQG, bảo đảm TTATXH trong tình hình mới.

Sau 15 năm thực hiện Nghị quyết số 27-NQ/TW, Nghị quyết số 09-NQ/ĐUCA(X11), đội ngũ trí thức trong CAND đã có những chuyển biến quan trọng, tăng nhanh cả về số lượng và chất lượng (số lượng cán bộ,

chiến sĩ có trình độ Đại học Công an tăng 22,66%, Thạc sĩ Công an tăng 2,22% và Tiến sĩ Công an tăng 0,17%; trong đó, số cán bộ, chiến sĩ có học hàm Giáo sư, Phó Giáo sư tăng 130; cán bộ, chiến sĩ có trình độ Trung cấp lý luận chính trị tăng 16,29%, trình độ Cao cấp lý luận chính trị tăng 0,76%), riêng số lãnh đạo, chỉ huy do kiện toàn về tổ chức có giảm số lượng (giảm 15,41%) nhưng chất lượng được nâng lên (Thạc sĩ Công an tăng 1,47%; Tiến sĩ Công an tăng 0,14%). Đội ngũ trí thức CAND được bố trí, sắp xếp, điều chỉnh tỷ lệ hợp lý đảm bảo cân đối giữa các cấp Công an, nhất là Công an cấp xã đã được tăng lên nhiều so với trước (tăng 14,69% từ 7,8% lên 22,49%) và các lực lượng, đảm bảo thành phần dân tộc và giới tính...; trở thành lực lượng nòng cốt của lực lượng vũ trang nhân dân trong sự nghiệp bảo vệ ANQG, bảo đảm TTATXH. Đa số trí thức CAND đều có bản lĩnh chính trị vững vàng, kiên định, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống trong sáng, lành mạnh, gương mẫu, đi đầu trong thực hiện chức trách, nhiệm vụ, nhiệt tình, hăng say với công việc. Trình độ, chất lượng đội ngũ cán bộ ở Công an các cấp đã được

nâng lên về mọi mặt; trình độ đào tạo, năng lực chuyên môn nghiệp vụ, tư duy nghiệp vụ và kiến thức xã hội cơ bản đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ công tác Công an trong tình hình mới. Đảng ủy CATW và lãnh đạo Bộ Công an luôn chú ý sử dụng toàn diện, đồng bộ các biện pháp từ giáo dục đào tạo, nâng cao phẩm chất chính trị, đạo đức cách mạng đến cơ chế tuyển dụng, bố trí, đãi ngộ, tôn vinh đội ngũ trí thức CAND; ưu tiên bố trí cán bộ có trình độ cao cho các đơn vị tham mưu chiến lược, xây dựng lực lượng, các viện nghiên cứu, các học viện, trường CAND... nhằm nâng cao chất lượng, phát huy cao nhất khả năng công tác, cống hiến của đội ngũ trí thức CAND.

Trong những năm qua, đội ngũ trí thức CAND đã phát huy năng lực, sở trường; chủ động nghiên cứu, đổi mới phương pháp làm việc, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm, vận dụng kiến thức, thành tựu khoa học vào công tác chuyên môn nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả công việc. Trực tiếp hoặc gián tiếp đề xuất Đảng ủy CATW và lãnh đạo Bộ Công an tham mưu với Đảng, Nhà nước ban hành những chủ trương, chính sách

lớn, quan trọng về chiến lược, sách lược trong bảo vệ ANQG, bảo đảm TTATXH.

Từ năm 2008 đến nay, đội ngũ trí thức CAND đã tham gia nghiên cứu nhiều đề tài khoa học, đề án, dự án, chuyên đề lý luận, chuyên đề tổng kết thực tiễn, biên soạn giáo trình, tài liệu dạy học,... góp phần quan trọng vào việc xây dựng và phát triển hệ thống lý luận về bảo vệ an ninh, trật tự; cung cấp những luận cứ khoa học, kịp thời tham mưu cho Đảng, Nhà nước ban hành các chủ trương, chính sách, pháp luật làm cơ sở định hướng, thống nhất quản lý và chỉ đạo sự nghiệp bảo vệ ANQG, bảo đảm TTATXH, nâng cao hiệu quả các mặt công tác công an, góp phần quan trọng thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ an ninh, trật tự, phục vụ đắc lực công cuộc xây dựng và phát triển đất nước, thể hiện ở những đóng góp chính, cụ thể: (1) Tham mưu, đề xuất với Đảng, Nhà nước trong hoạch định chủ trương, đường lối, chính sách, pháp luật về bảo vệ an ninh, trật tự; Nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện hệ thống lý luận về bảo vệ an ninh, trật tự và góp phần nâng cao hiệu quả các mặt công tác Công an; Nghiên cứu,

ứng dụng, sáng tạo, phát triển tiềm lực khoa học công nghệ CAND; Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, chiến sĩ CAND góp phần xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại; Trực tiếp tham gia đấu tranh phòng, chống tội phạm, bảo vệ an ninh, trật tự.

Bên cạnh kết quả đạt được như trên, quá trình triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng, phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong lực lượng Công an thời gian qua còn gặp phải một hạn chế sau:

Thứ nhất, tiêu chí, tiêu chuẩn như nghị quyết đưa ra chưa giúp cấp ủy, lãnh đạo các đơn vị nhận diện rõ trí thức trong CAND, dẫn đến khó khăn trong công tác xây dựng, phát triển đội ngũ trí thức trong lực lượng CAND, chưa chủ động trong triển khai thực hiện, chưa tạo được môi trường, điều kiện thuận lợi nhất cho đội ngũ trí thức CAND phát triển, phát huy tối đa trí tuệ và công sức.

Thứ hai, việc nghiên cứu, triển khai ứng dụng thành tựu khoa học vào sản xuất phương tiện, kỹ thuật nghiệp vụ còn chậm, thiếu tập trung và chưa đáp

ứng được yêu cầu thực tiễn đặt ra; nhiều công trình, đề tài khoa học chưa sát với thực tiễn và ít được ứng dụng trong thực tiễn công tác, chiến đấu, xây dựng lực lượng; chưa hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh, chuyên sâu.

Thứ ba, chất lượng của một bộ phận trí thức CAND chưa cao, đặc biệt là trí thức ở các cơ quan tham mưu, nghiên cứu khoa học; còn thiếu chuyên gia đầu ngành, tập thể khoa học mạnh, hoạt động nghiên cứu, ứng dụng khoa học và công nghệ ở một số lĩnh vực chưa thật sự gắn sát với thực tiễn công tác, chiến đấu của lực lượng CAND; chưa có nhiều trí thức CAND có đủ năng lực nổi trội, khả năng tham mưu, phản bác những thông tin trái chiều, luận điệu xuyên tạc của các thế lực thù địch; một bộ phận trí thức CAND còn hạn chế về năng lực, tính chuyên nghiệp, sự chủ động và sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ chuyên môn; có kiến thức xã hội, trình độ khoa học kỹ thuật, tin học, ngoại ngữ... chưa tương xứng với yêu cầu, nhiệm vụ; một số có tư tưởng trung bình chủ nghĩa bằng lòng với những gì đang có, ngại tư duy, thụ động trong

công việc...; kết quả cống hiến của đội ngũ cán bộ khoa học và công nghệ ở một số lĩnh vực chưa tương xứng với chính sách đãi ngộ.

Thứ tư, chính sách thu hút, động viên trí thức cống hiến trí tuệ cơ bản đã đảm bảo nhưng còn chưa mang tính hệ thống, đồng bộ, liên thông, thống nhất; thiếu cơ chế thích hợp để phát hiện, tuyển chọn, bồi dưỡng, động viên, khuyến khích trí thức yên tâm cống hiến, làm việc; việc thu hút cán bộ, trí thức có trình độ cao vào công tác trong lực lượng CAND còn nhiều khó khăn.

Những khó khăn, vướng mắc đó, xuất phát từ những nguyên nhân sau:

Một là, cấp ủy đảng, lãnh đạo một số đơn vị chưa nhận thức đầy đủ về vị trí, vai trò, tầm quan trọng của đội ngũ trí thức; đánh giá, sử dụng trí thức chưa đúng với năng lực, trình độ, coi nhẹ vai trò của trí thức dẫn đến hạn chế sự cống hiến của trí thức.

Hai là, do đặc thù tính chất công tác của lực lượng Công an, yếu tố đảm bảo bí mật công tác nghiệp vụ được đặt lên hàng đầu, nên nhiều hoạt động trong lĩnh vực hợp tác quốc tế bị hạn chế, không có nhiều điều kiện thuận

lợi cho việc học tập kinh nghiệm, cập nhật kiến thức khoa học một cách tối đa như các ngành nghề khác. Công tác đào tạo, bồi dưỡng và bố trí sử dụng trí thức có lúc, có nơi chưa gắn kết chặt chẽ, vẫn còn tình trạng đào tạo để giải quyết chính sách, chưa phù hợp với lĩnh vực đang công tác; còn có cán bộ được cử đi đào tạo, bồi dưỡng thiếu ý thức phấn đấu học tập, rèn luyện, dẫn đến kết quả đào tạo thấp, không phát huy được trình độ, năng lực gây lãng phí nguồn nhân lực.

Ba là, một bộ phận trí thức trong CAND chưa có ý thức vươn lên, chưa thực sự tâm huyết, trách nhiệm trong nghiên cứu khoa học; chưa thường xuyên cập nhật, trau dồi kiến thức chuyên môn, trình độ tin học, ngoại ngữ nên hạn chế trong giao lưu, tiếp thu những tri thức tiên tiến trên thế giới.

Bốn là, việc sử dụng biên chế và thực hiện cơ chế trả lương theo cấp bậc hàm, theo niên hạn như hiện nay chưa phù hợp; cơ chế chính sách thu hút nguồn nhân lực khoa học, công nghệ của một số lực lượng đặc thù chưa thật sự hấp dẫn; chính sách khuyến khích lao động sáng tạo chưa đủ mạnh, chưa đáp ứng tốt các yêu cầu

về điều kiện làm việc, nhà ở, phương tiện trang bị phục vụ cho công tác chuyên môn của đội ngũ cán bộ khoa học trẻ, chưa tạo ra được động lực thúc đẩy mạnh mẽ để khuyến khích cán bộ say mê sáng tạo và tích cực học tập, nghiên cứu khoa học...

3. Một số giải pháp và kiến nghị góp phần nâng cao hiệu quả xây dựng, phát huy vai trò của đội ngũ trí thức trong lực lượng Công an nhân dân

Trong thời gian tới, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục diễn biến nhanh chóng, tiềm ẩn nhiều phức tạp, khó lường, các yếu tố an ninh truyền thống ngày càng hiện hữu, gây ra nhiều nguy cơ đối với ANQG, các xu hướng phát triển khoa học công nghệ tác động lớn tới môi trường giao tranh giữa ta và địch; tình hình ở trong nước cũng chứa đựng nhiều yếu tố tiềm ẩn đe dọa ANQG và TTATXH.

Với chức năng, nhiệm vụ được giao; trước những khó khăn và thách thức trên, trong bối cảnh toàn cầu hóa, thế giới đang bước vào cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, đòi hỏi lực lượng CAND phải tiếp tục đổi mới về nhận thức, tư duy, nâng cao trình độ khoa học - công nghệ, sách lược,

phương châm công tác đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ trong tình hình mới, đẩy mạnh việc xây dựng đội ngũ cán bộ, trong đó có đội ngũ trí thức CAND ngày càng vững mạnh, toàn diện, có năng lực, trình độ cao, kiến thức chuyên môn sâu rộng trên mọi lĩnh vực; đồng thời tham mưu với Đảng, Nhà nước tiếp tục ban hành những đường lối, chủ trương, chính sách quan trọng về chiến lược bảo vệ Tổ quốc, bảo vệ ANQG, bảo đảm TTATXH; triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 12-NQ/TW, các đề án, dự án thành phần xây dựng lực lượng CAND thật sự trong sạch, vững mạnh, chính quy, tinh nhuệ, hiện đại. Để đạt được mục tiêu trên, xây dựng đội ngũ trí thức CAND đáp ứng được yêu cầu, nhiệm vụ công tác trong tình hình mới, cần tập trung thực hiện tốt một số nội dung công việc sau:

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy Đảng đối với công tác xây dựng đội ngũ trí thức CAND. Tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện tiêu chí, tiêu chuẩn về đội ngũ trí thức CAND. Cấp ủy đảng các cấp phải có nhận thức đầy đủ về vai trò, vị trí, tầm quan trọng của đội ngũ trí thức

CAND; xác định rõ trách nhiệm trong việc xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức CAND lớn mạnh, có trình độ cao, đáp ứng yêu cầu sự nghiệp bảo vệ an ninh, trật tự, xây dựng lực lượng CAND; đồng thời, tạo môi trường, điều kiện làm việc để khuyến khích trí thức CAND lao động, sáng tạo, cống hiến trong lĩnh vực công tác được giao.

Hai là, đổi mới căn bản công tác giáo dục, đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực; gắn đào tạo với bố trí, sử dụng cán bộ ở bốn cấp Công an; tăng cường hợp tác quốc tế về giáo dục, đào tạo, nghiên cứu khoa học...

Ba là, đổi mới, nâng cao chất lượng công tác cán bộ nói chung, đội ngũ trí thức CAND nói riêng. Xây dựng đội ngũ trí thức CAND có cơ cấu hợp lý, có bản lĩnh chính trị vững vàng, yêu nước, tuyệt đối trung thành với Tổ quốc, với Đảng, Nhà nước và nhân dân, kiên định mục tiêu, lý tưởng cách mạng của Đảng; có phẩm chất đạo đức tốt; có ý thức tổ chức kỷ luật; nắm vững pháp luật, tinh thông nghiệp vụ, làm chủ khoa học công nghệ, sử dụng thành thạo các trang thiết bị, phương tiện, vũ khí được

trang bị; được rèn luyện qua thực tiễn công tác, chiến đấu. Tổ chức tốt việc phát hiện, quy hoạch, luân chuyển trí thức CAND có triển vọng để đào tạo, bồi dưỡng, chuẩn bị nguồn cán bộ lãnh đạo, chỉ huy công an các cấp. Tăng cường kiểm tra, giám sát việc thực hiện công tác tổ chức cán bộ ở tất cả các khâu, các cấp Công an, đảm bảo công tâm, khách quan, dân chủ, đúng quy định...

Bốn là, quan tâm, động viên, khuyến khích trí thức CAND đầu tư, nghiên cứu ứng dụng, chuyển giao công nghệ hiện đại đáp ứng yêu cầu công tác, chiến đấu; xây dựng, phát triển các trung tâm nghiên cứu, ứng dụng có chiều sâu, ngày càng hiện đại, tự chủ, có trình độ khoa học và công nghệ cao.

Để tiếp tục thực hiện có hiệu quả nhiệm vụ xây dựng đội ngũ trí thức CAND trong thời gian tới, Đảng ủy CATW, Bộ Công an đề xuất với Đảng, Nhà nước một số nội dung sau:

Một là, cần nghiên cứu, xác định, hoàn thiện tiêu chí, nhận diện rõ, cụ thể hơn về đội ngũ trí thức để đưa ra khái niệm trí thức đầy đủ, chính xác. Chỉ khi xác định được đúng đối tượng,

thì mới có một cơ chế chính sách phù hợp để đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực và chất lượng đội ngũ trí thức.

Hai là, tiếp tục quan tâm hơn nữa đến việc xây dựng đội ngũ trí thức trên tất cả các lĩnh vực, có chính sách, cơ chế đặc biệt trọng dụng, đãi ngộ đối với đội ngũ trí thức, nhất là cán bộ khoa học đầu ngành, cán bộ được giao chủ trì nhiệm vụ khoa học cấp quốc gia, cán bộ trẻ tài năng; có chính sách đối với đội ngũ trí thức công tác tại các vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo và số trí thức là người dân tộc thiểu số, trí thức công tác trong lĩnh vực công tác đặc thù như lực lượng vũ trang nhân dân...

Ba là, tiếp tục tạo hành lang pháp lý thuận lợi và xây dựng cơ chế hoạt động, tổ chức nhiều diễn đàn để khuyến khích và đảm bảo quyền lợi, trách nhiệm của trí thức khi tham gia các hoạt động tư vấn, phản biện và giám định các chủ trương, chính sách, các dự án phát triển kinh tế, xã hội; xây dựng cơ chế đảm bảo sự kết hợp chặt chẽ giữa phát triển đội ngũ trí thức với chiến lược phát triển khoa học, công nghệ; xác định phát triển đội ngũ trí thức là điều kiện đảm bảo

thực hiện thắng lợi chiến lược phát triển giáo dục, đào tạo và khoa học, công nghệ.

Bốn là, tăng cường đầu tư trang bị, phương tiện, kinh phí cho các hoạt động chuyên môn của đội ngũ trí thức; ưu tiên tháo gỡ các vướng mắc trong công tác kế hoạch đầu tư, tài chính, đặc biệt là cơ chế cấp phát, thanh quyết toán kinh phí cho các hoạt động khoa học, công nghệ của Bộ Công an. Tăng cường đầu tư hơn nữa cả về vật chất và các điều kiện thuận lợi khác cho các học viện, trường đại học nói chung, các học viện, trường đại học CAND nói riêng trở thành các trung tâm đào tạo, nghiên cứu khoa học hàng đầu đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo đội ngũ trí thức.

Năm là, thực hiện tốt các chế độ khen thưởng về vật chất, tinh thần đối với đội ngũ trí thức khi có công trình khoa học, đề tài, phát minh, sáng chế... có giá trị lý luận và thực tiễn.

Sáu là, mở rộng hợp tác quốc tế trong nghiên cứu khoa học, đào tạo cán bộ; tranh thủ sự giúp đỡ, hỗ trợ vốn, trang bị phương tiện kỹ thuật, kinh nghiệm của nước ngoài để xây dựng và phát triển đội ngũ trí thức ■

ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC VIỆT NAM ĐÁP ỨNG YÊU CẦU PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ

● GS TRẦN THỌ ĐẠT

Trưởng Đại học Kinh tế Quốc dân

1. Kinh tế số là phương thức phát triển đưa Việt Nam vượt qua bẫy thu nhập trung bình

Về lịch sử, các cuộc cách mạng công nghiệp nào cũng mở ra một giai đoạn phát triển mới của xã hội loài người. Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã và đang tác động ngày càng mạnh mẽ đến tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế - xã hội thông qua sự phát triển mang tính gắn kết giữa các công nghệ số hóa và dữ liệu, từ đó xuất hiện ngày càng nhiều và đa dạng các hình thức kinh doanh mới, tạo nên sự thay đổi to lớn, nhanh chóng và sâu sắc mọi mặt của đời sống xã hội. Xu hướng số hóa nền kinh tế và các hoạt động xã hội đang diễn ra rất nhanh ở nhiều quốc gia, đặc biệt tại một số nước đi đầu và các nước đang phát triển. Vai trò động lực và tác động của kinh tế số

trong việc hình thành nên một phương thức tăng trưởng mới thể hiện ở sự xuất hiện nhiều ngành công nghiệp mới và xóa mờ đường biên giới địa lý, các mô hình kinh doanh mới với cốt lõi là tổ chức và phương thức hoạt động dựa trên ứng dụng công nghệ số. Hơn nữa, công nghệ kỹ thuật số phát triển đã góp phần thúc đẩy tăng trưởng năng suất và hiệu quả, kết quả là kinh tế số ngày càng có vai trò quan trọng trong tổng sản phẩm quốc gia của các nước. Ngân hàng Thế giới đã nhận định kinh tế số sẽ là tương lai phát triển của nhiều nước, nước nào tận dụng thành công cơ hội phát triển kinh tế số sẽ tạo lợi thế cạnh tranh để bứt phá, vươn lên mạnh mẽ.

Châu Á được đánh giá là một khu vực rất năng động và đã có tốc độ phát triển kinh tế số ở mức nhảy vọt trong

thập niên vừa qua, sẽ là trung tâm phát triển công nghệ số và kinh tế số toàn cầu. Một minh chứng là mặc dù là nước đi sau về phát triển công nghiệp, nhưng tỷ trọng kinh tế số trong GDP của Trung Quốc đã vượt Mỹ. Nằm ở trung tâm của Đông Nam Á, Việt Nam được coi là một nước có tiềm năng tăng trưởng kinh tế số mạnh mẽ và dự báo sẽ trở thành một quốc gia có tốc độ phát triển kinh tế số ở mức khá trong khu vực. Có thể nói, đây là lần đầu tiên hiếm có trong lịch sử, Việt Nam có cơ hội và thực tế đang đi cùng thế giới trong cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, cách mạng chuyển đổi số và phát triển kinh tế số. Kinh tế số đang tạo ra những cơ hội để Việt Nam có thể tận dụng trong bút tốc phát triển kinh tế đất nước, là động lực quan trọng để đưa nước ta sớm trở thành quốc gia có công nghệ hiện đại và sáng tạo, từ đó rút ngắn khoảng cách phát triển với các nước khác. Nhiều chuyên gia kinh tế đã nhận định rằng, phát triển kinh tế số và đẩy mạnh chuyển đổi số quốc gia là phương thức để vượt qua bẫy thu nhập trung bình, là cách thức để Việt Nam vẽ lên một tương lai phát triển

không chỉ đơn giản là tiếp nối xu hướng của quá khứ mà là đưa nền kinh tế bước vào một quỹ đạo tăng trưởng mới mang tính bút phá.

Nhận thấy vai trò và tiềm năng, cơ hội phát triển kinh tế số, tháng 9/2019, Bộ Chính trị đã ban hành Nghị quyết số 52-NQ/TW đặt mục tiêu đến năm 2025, nền kinh tế số Việt Nam sẽ đạt 20%, và đến năm 2030 đạt 30% GDP. Ngày 3/6/2020, Thủ tướng Chính phủ đã ký ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030” với mục tiêu kép là vừa phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, vừa hình thành các doanh nghiệp công nghệ số Việt Nam có năng lực đi ra toàn cầu, với một số chỉ số cơ bản và cụ thể. Ngày 31/3/2022, Thủ tướng chính phủ ra Quyết định số 411/QĐ-TTg về Phê duyệt chiến lược quốc gia phát triển Kinh tế số và xã hội số đến năm 2024, định hướng đến năm 2030, theo đó, (1) Nhiệm vụ phát triển kinh tế số và xã hội số được đặt ở mức ưu tiên cao trong các chiến lược phát triển Quốc gia; (2) Phát triển mỗi người dân thành một doanh nhân số, mỗi doanh

ng nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh thành một doanh nghiệp số, ứng dụng công nghệ số để kinh doanh trên môi trường mạng; (3) Tái cấu trúc, tối ưu hóa, gia tăng tỷ trọng và thẩm thấu kinh tế số trong toàn bộ nền kinh tế; (4) Nhanh chóng chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, phát triển các mô hình kinh doanh mới, mở ra không gian tăng trưởng mới.

2. Tác động của phát triển kinh tế số đến sự phát triển kinh tế học và tri thức kinh tế học mới

Kỷ nguyên kinh tế số đã và đang tạo ra những thay đổi mang tính cách mạng về phương thức sản xuất và cách sống, tạo nên các thách thức đối với những nguyên lý và mô hình phân tích kinh tế truyền thống mà các nhà khoa học, kinh tế học Việt Nam phải góp phần giải quyết. Trong nền kinh tế số, tài sản số góp phần quan trọng cải thiện hiệu quả sản xuất và giá trị thị trường của các công ty và cả nền kinh tế. Nhờ phân tích dữ liệu lớn, chi phí giao dịch và ma sát thông tin trên thị trường giảm đáng kể, đồng thời gia tăng độ chính xác của dự đoán trên thị trường tài chính, cải thiện hiệu quả đầu tư và bồi trơn trong cân đối cung-

cầu thị trường. Đối với kinh tế khu vực công, dữ liệu tạo ra thông tin ngoại ứng tích cực, hướng đến các quyết định cải thiện nhiều hơn phúc lợi xã hội, tạo ra những dư địa nghiên cứu mới cho các nhà kinh tế.

Tuy nhiên, kinh tế số cũng gây nên một số vấn đề như vi phạm quyền riêng tư của người dùng, gây ra những lo ngại về an ninh quốc gia. Quá trình tự động hóa trong nền kinh tế số dẫn đến việc thay thế phần nào con người, gây xáo trộn thị trường lao động. Các nền tảng số siêu lớn cũng tiềm ẩn việc lạm dụng sức mạnh thị trường khổng lồ của mình để thực hiện hành vi định giá mang tính độc quyền và phân biệt đối xử, gây tổn hại đến thặng dư của người tiêu dùng và cản trở năng lực đổi mới tiềm tàng. Những đặc trưng này của nền kinh tế số khiến các mô hình phân tích kinh tế truyền thống cần phải có những thay đổi cơ bản và viết thêm những trang mới và đội ngũ trí thức, trong đó có đội ngũ các nhà kinh tế tinh hoa cần phải là những người đi tiên phong trong những nghiên cứu này. Chính họ sẽ là những người tiên phong nắm lấy sự phát triển của kinh tế số để

truyền bá, lam tỏa sang các nhóm xã hội khác.

Khoảng 20 năm cuối của thế kỷ XX được coi là thời kỳ bùng nổ các nghiên cứu về mô hình tăng trưởng, trong đó các nhân tố kinh tế bao gồm: vốn vật chất, lao động, vốn con người, và tiến bộ kỹ thuật được coi là những nguồn cơ bản. Các nhà kinh tế sau đó cũng đã cố gắng lượng hóa và đưa vào mô hình các nhân tố phi kinh tế như yếu tố văn hóa – xã hội, thể chế và sự tham gia của cộng đồng... Đã có những nỗ lực xây dựng một mô hình đầu tư tân cổ điển tổng quát với vốn vật chất, lao động và hai loại vốn vô hình (kiến thức và vốn thương hiệu) làm đầu vào. Nghiên cứu thực nghiệm này cũng đã cho thấy tầm quan trọng của vốn vật chất đối với giá trị công ty đã giảm trong những thập kỷ gần đây, trong khi vốn tri thức đã tăng lên, đặc biệt là trong các ngành công nghiệp công nghệ cao. Mức độ quan trọng ngày càng tăng này của các yếu tố vô hình cho thấy cần phải đo lường và đánh giá phù hợp hơn tác động của tài sản vô hình tới tăng trưởng. Do đó, đội ngũ trí thức và các nhà kinh tế Việt Nam có cơ hội nâng cao trình độ học

vấn, tích lũy làm giàu tri thức, khả năng thích ứng và tính linh hoạt cao với những thay đổi mang tính cách mạng của kỷ nguyên kinh tế số thông qua những thay đổi về phương thức sản xuất và cách sống, tạo nên các thách thức đối với những nguyên lý và mô hình phân tích kinh tế truyền thống, như những phúc lợi lớn do kinh tế số mang lại phúc lợi, nhưng giá trị thị trường chưa được xác định.

Trong nền kinh tế số, dữ liệu và khả năng phân tích dữ liệu đang ngày càng trở thành nhân tố sản xuất quan trọng, tuy nhiên rất khó để đo lường chính xác giá trị của tài sản vô hình ngoài việc xác định sự tồn tại của chúng. Do vậy, một thách thức đặt ra đối với các mô hình hàm sản xuất truyền thống là làm thế nào để kết hợp được yếu tố “dữ liệu” với các yếu tố truyền thống, đặc biệt là vốn nhân lực, vốn con người, để đánh giá được đầy đủ và chính xác hơn các nguồn tăng trưởng và đóng góp của từng nhân tố. Kinh tế số cũng đang tạo ra phúc lợi mà kinh tế học truyền thống đã không tính đến, như các dịch vụ thông tin và dữ liệu miễn phí Wikipedia, dịch vụ email như Gmail, và bản đồ kỹ thuật số như

Google Maps. Các sản phẩm này đều có giá trị kinh tế khổng lồ, các dịch vụ mang lại phúc lợi rất lớn, tuy nhiên lại không được tính trong hệ thống tài khoản quốc gia vì GDP chỉ đo lường giá trị tiền tệ của tất cả các hàng hóa cuối cùng theo một mức giá nhất định. Xét theo quan điểm kinh tế học truyền thống, có một nghịch lý là kinh tế số đang tạo ra rất nhiều dịch vụ có giá trị cao, nhưng gần như không có chi phí - và đặc biệt là có chi phí cận biên bằng không. Do đó, các nhà kinh tế, trí thức Việt Nam có điều kiện dấn thân vào thực tiễn, dám mạnh dạn ứng dụng những mô hình phân tích kinh tế mới. Sự thay đổi nhanh chóng của tri thức khoa học và công nghệ làm cho ưu thế thuộc về cái chưa biết, do vậy các nhà kinh tế phải ứng dụng cái mới để bắt kịp với tốc độ phát triển của tri thức nhân loại.

Bối cảnh hiện nay là thời cơ mà Việt Nam cần nhanh chóng nắm bắt, hành động mạnh mẽ để phát triển kinh tế số, phát triển thêm các ngành nghề kinh doanh mới, mở ra các thị trường mới và tạo thêm nhiều nhu cầu việc làm mới, từ đó bút phá vươn lên thay đổi thứ hạng quốc gia. Trong quá trình

này, thể chế, hạ tầng, nhân lực, doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng cho phát triển kinh tế số. Thể chế kiến tạo phát triển kinh tế số, đóng vai trò quyết định trong việc thúc đẩy đổi mới sáng tạo. Nhân lực số gồm lực lượng chuyên gia, nhân lực công nghệ số và người dân được phổ cập kỹ năng số đóng vai trò quyết định cho phát triển kinh tế số. Định hướng phát triển là mỗi người dân thành một doanh nhân số, mỗi doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh thành một doanh nghiệp số, ứng dụng công nghệ số để kinh doanh trên môi trường mạng và tái cấu trúc, tối ưu hóa, gia tăng tỷ trọng và thẩm thấu kinh tế số trong toàn bộ nền kinh tế. Để đáp ứng xu thế phát triển kinh tế số, cần nhanh chóng chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, phát triển các mô hình kinh doanh mới, mở ra không gian tăng trưởng mới. Vì thế, đội ngũ các nhà trí thức khoa học, công nghệ và các nhà kinh tế, chuyên gia kinh tế đóng vai trò động lực, đi đầu trong việc nghiên cứu, ứng dụng các xu hướng chuyển đổi số trong các ngành, như những đột phá dẫn đến sự ra đời của công nghệ tài chính (Fintech), được xác định là

một đột phá quan trọng trong việc nâng cao tính bao trùm của thị trường, chẳng hạn P2P, mobile money,... cho phép các công ty tài chính cung cấp tín dụng cho những bộ phận dân cư chưa được phục vụ trước đây. Đội ngũ các nhà kinh tế, cần tiếp tục khẳng định được vai trò động lực, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển của nền kinh tế ngành thông qua việc tập trung xây dựng nhiệm vụ khoa học và các bài toán kinh tế có quy mô lớn, theo cụm nhiệm vụ để giải quyết những vấn đề cấp thiết, trọng tâm, trọng điểm, như những khoảng trống và bất đối xứng thông tin vốn tồn tại ở hầu hết các mô hình kinh tế truyền thống đang được loại bỏ một phần và xuất hiện các thị trường chưa từng tồn tại trước đây, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế toàn diện, các siêu nền tảng số phát huy hiệu quả hơn trong việc khớp cung - cầu.

Để phát triển kinh tế theo chiều sâu, tăng trưởng bao trùm, phát triển bền vững thì sức mạnh trí tuệ, nguồn lực chất xám của các trí thức, chuyên gia, nhà khoa học phải được khai thác tốt. Đội ngũ này - với vốn kiến thức

về kinh tế thị trường, về hội nhập kinh tế quốc tế - có thể tham gia vào kiến tạo chuỗi giá trị, tạo dựng thương hiệu, nâng cao năng lực hội nhập kinh tế của đất nước. Trí thức với tư cách là những nhà nghiên cứu kinh tế, xã hội, đề xuất các giải pháp, hoặc tham gia đóng góp, phản biện về chính sách kinh tế, cách thức nắm bắt lợi thế phát triển và loại trừ các rủi ro. Ví dụ như tác động của kinh tế kỹ thuật số với thị trường lao động. Mặc dù nền kinh tế kỹ thuật số đã tạo ra một số lượng đáng kể việc làm mới, nhưng một số chuyên gia kinh tế cho rằng việc phân bổ lại lực lượng lao động từ các công việc hiện tại sang các vị trí mới được tạo ra sẽ là một quá trình chậm chạp, vì luôn cần thời gian để tìm một công việc mới với những kỹ năng mới. Hay vấn đề an ninh quốc gia, khi các nhà hoạch định chính sách đang phải đối mặt với tình trạng tiến thoái lưỡng nan trong hợp tác quốc tế về luồng thông tin và dữ liệu liên quan đến kinh tế số. Một mặt, chính phủ các nước muốn khuyến khích dòng chảy thông tin qua biên giới vì các lợi ích kinh tế, giáo dục, công nghệ,... Mặt khác, lại cần phải kiểm soát luồng

thông tin tự do để ngăn chặn thư rác, vi phạm bản quyền, bảo vệ an ninh quốc gia, các cơ sở hạ tầng quan trọng trong nền kinh tế và hệ thống tài chính. Trong thế giới vạn vật (IoT), nơi không chỉ các máy chủ và thiết bị truyền thông được kết nối với Internet, mà là mọi thứ khác. Điều này đặt ra các vấn đề an ninh cực kỳ quan trọng cần được giải quyết mà khu vực tư nhân không thể đảm trách. Do đó, có những vấn đề phát triển kinh tế số đòi hỏi phát minh, sáng chế của đội ngũ trí thức Việt Nam trong việc nâng cao năng lực học tập, trao đổi, không chỉ góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quốc gia, mà còn tạo điều kiện thuận lợi thu hút đầu tư nước ngoài vào phát triển khoa học và công nghệ Việt Nam.

3. Một số ý kiến phát triển đội ngũ trí thức Việt Nam trong bối cảnh phát triển kinh tế số

Trong bối cảnh kinh tế số đang thách thức phát triển của kinh tế truyền thống, để nhanh chóng tận dụng thành tựu, “đi tắt đón đầu” trong phát triển, thúc đẩy tái cấu trúc, tối ưu hóa, gia tăng tỷ trọng và thẩm thấu kinh tế số trong toàn bộ nền kinh tế và

nhANH chóng chuyển đổi số các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội, phát triển các mô hình kinh doanh mới, mở ra không gian tăng trưởng mới, việc phát triển nhân lực số và phát triển đội ngũ các nhà kinh tế giải quyết được những mâu thuẫn phát sinh trong phát triển kinh tế số là yêu cầu quan trọng và phát triển ngũ trí thức này là một phần không thể thiếu trong phát triển các nguồn lực của đất nước.

Trí thức Việt Nam, các nhà kinh tế, chuyên gia kinh tế cần tích cực, tự giác nâng cao vai trò, giá trị, năng lực bản thân, không ngừng học tập, nghiên cứu. Yêu cầu đặt ra đối với phát triển đội ngũ các nhà khoa học này là cần phải xây dựng chiến lược, quy hoạch, giải pháp thích hợp và tập trung đủ các nguồn lực cần thiết để xây dựng đội ngũ trí thức, các nhà kinh tế mạnh cả về số lượng và chất lượng, phát huy được những tiềm lực của đội ngũ trí thức Việt Nam, đảm bảo điều kiện để các nhà kinh tế tiếp cận nhanh chóng với tri thức và công nghệ kinh tế kỹ thuật số mới nhất của thời đại góp phần để hiện đại hóa nền kinh tế, tạo ra sự chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển số với việc tạo tăng

trường dựa trên yếu tố đầu vào là công nghệ số và dữ liệu số, trở thành một trong những phương thức phát triển chủ đạo mới để Việt Nam phát triển nhanh, bền vững, bao trùm, thích ứng và kiên cường trước các thách thức trong thế giới đang đầy biến động và khó dự báo trước, giúp người dân giàu có hơn, góp phần đưa Việt Nam vượt qua mức thu nhập trung bình thấp vào năm 2025, đạt mức thu nhập trung bình cao vào năm 2030 và đạt mức thu nhập cao vào năm 2045.

Do vậy, Nhà nước cần sớm hoàn thiện môi trường và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của trí thức Việt Nam, trong đó chú trọng việc thể chế hóa các chủ trương, chính sách xã hội nhằm xây dựng một môi trường thực sự dân chủ, tôn trọng và bảo vệ các điều kiện lao động sáng tạo, hoàn thiện khung thể chế, cơ chế quản lý phù hợp với môi trường kinh doanh số, tạo thuận lợi cho đổi mới sáng tạo phù hợp với các khuôn khổ pháp lý khu vực và toàn cầu để phát triển kinh tế số, đặc biệt là các mô hình và phương thức kinh doanh mới để kinh tế số sớm tăng quy mô và gia tăng tỷ trọng đóng góp trong tăng trưởng nói

chung. Các chính sách về kinh tế số cần bảo đảm cơ sở pháp lý vững chắc, thống nhất trong triển khai và thực hiện các kế hoạch, chương trình về kinh tế số.

Có chính sách và cơ chế để tạo điều kiện phát huy năng lực chuyên môn, khoa học của các chuyên gia, các nhà khoa học và công nghệ trình độ cao, ưu đãi để thu hút trí thức Việt kiều về đất nước phục vụ sự nghiệp đổi mới, công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế, với hướng tập trung phát triển nhân lực công nghệ số đáp ứng kỹ năng mới liên quan đến điện toán đám mây, trí tuệ nhân tạo, dữ liệu lớn, kiến trúc hệ thống, kỹ nghệ phần mềm, thiết kế giao diện và trải nghiệm người dùng, an toàn thông tin mạng, hiểu biết một cách đúng đắn và toàn diện cả về lợi ích cũng như về thách thức đối với kinh tế số là một trong những điều kiện tiên quyết để phát triển kinh tế số theo con đường tối ưu nhất có thể được.

Nhà nước đầu tư nguồn lực tài chính, cơ sở vật chất, kỹ thuật, xây dựng những khu công nghệ, các trường đại học trọng điểm, các cơ sở phục vụ nghiên cứu và thực nghiệm,

cũng như mở rộng hợp tác quốc tế, mở ra nhiều khả năng cho đội ngũ trí thức, các nhà kinh tế, nhất là các nhà kinh tế trẻ học tập, nâng cao trình độ và cống hiến. Điểm đột phá là các trường đại học số, người học có thể học và thi trực tuyến, có thể sử dụng học liệu số được cá nhân hóa, có thể được hỗ trợ học tập bởi trí tuệ nhân tạo. Cần phát triển nguồn nhân lực theo hướng tăng cường năng lực tiếp cận và khả năng thích ứng với môi trường công nghệ liên tục thay đổi, phát triển, từ đó thúc đẩy tư duy sáng tạo, đổi mới hệ thống giáo dục đào tạo với việc thay đổi từ quản lý giáo dục, phương pháp dạy, giáo trình dạy và các môn học mới gắn với số hóa. Triển khai các chương trình đào tạo, đào tạo lại kỹ năng lãnh đạo, quản lý chuyển đổi số cho người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, giám đốc điều hành và đội ngũ quản trị các cấp của doanh nghiệp. Đội ngũ trí thức và các nhà kinh tế cần góp phần nâng cao nhận thức về phát triển kinh tế số và chuyển đổi số quốc gia, qua đó có sự chuẩn bị tốt nhất cho khả năng thích ứng các xu hướng phát triển này đối với doanh nghiệp, nhất là các doanh

ng nghiệp vừa, nhỏ và siêu nhỏ. Các doanh nghiệp cần chủ động nắm bắt cơ hội, tối ưu hóa mô hình kinh doanh, phát triển kỹ năng mới cho từng cá nhân và tổ chức, sớm triển khai tích hợp công nghệ số hóa, thúc đẩy phát triển những giải pháp sản xuất và kinh doanh dựa trên số hóa, tham gia hiệu quả hơn vào chuỗi cung ứng toàn cầu, nâng cao năng lực quản trị phù hợp với những mô hình sản xuất, kinh doanh và hợp tác mới.

Tóm lại, sự xuất hiện của kinh tế số đang đưa đến nhiều cơ hội nhưng cũng đồng thời tạo ra cả các thách thức đối với sự phát triển, và xét về tổng thể, nhà nước cần có đổi mới công tác tuyển dụng, bố trí, sử dụng hợp lý đội ngũ trí thức, nghiên cứu, ban hành chế độ, chính sách đối với đội ngũ trí thức, tạo điều kiện, môi trường làm việc cho đội ngũ trí thức, đồng thời đề cao trách nhiệm của trí thức, củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động các hội của trí thức để đội ngũ trí thức, các nhà kinh tế và chuyên gia kinh tế đóng góp ngày càng hiệu quả hơn, thiết thực hơn vào những nhiệm vụ chính trị của đất nước ■

TẬP HỢP VÀ PHÁT HUY TIỀM NĂNG CỦA ĐỘI NGŨ TRÍ THỨC NGƯỜI VIỆT NAM Ở NƯỚC NGOÀI

● PGS, TS NGUYỄN QUỐC DŨNG

Ủy viên Hội đồng Lý luận Trung ương

1. Tiềm năng và những đóng góp của đội ngũ trí thức Việt Nam ở nước ngoài

Nghị quyết 27-NQ/TW, ngày 6/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X) “Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” quan niệm: “Trí thức là những người lao động trí óc, có trình độ học vấn cao về lĩnh vực chuyên môn nhất định, có năng lực tư duy độc lập, sáng tạo, truyền bá và làm giàu tri thức, tạo ra những sản phẩm tinh thần và vật chất có giá trị đối với xã hội. Trí thức Việt Nam xuất thân từ nhiều giai cấp, tầng lớp xã hội, nhất là từ công nhân và nông dân; phần lớn trưởng thành trong xã hội mới, được hình thành từ nhiều nguồn đào tạo ở trong và ngoài nước, với nhiều thế hệ nối tiếp nhau, trong đó có bộ phận trí thức người Việt

Nam ở nước ngoài”¹. Như vậy, với nghị quyết này, Đảng Cộng sản Việt Nam xem trí thức NVNONN là một bộ phận của trí thức Việt Nam.

Kết luận số 12-KL/TW, ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị “Về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới cho biết cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài đến nay có khoảng 5,3 triệu người sinh sống, làm việc trên 130 quốc gia và vùng lãnh thổ, trong đó, hơn 80% là ở các nước phát triển; đại bộ phận đồng bào đã có địa vị pháp lý và cuộc sống ổn định, hội nhập sâu rộng vào xã hội sở tại. Hiện nay, trong tổng số trong khoảng 5,3 triệu NVNONN, trong số đó có rất đông những người có trình độ. Theo đó, hiện “có khoảng 600.000 chuyên gia, trí thức có trình độ đại học trở lên; trong đó, khoảng

50% sống tại Hoa Kỳ, 80% ở những nước phát triển, có nền khoa học, công nghệ tiên tiến hàng đầu như châu Âu, Nhật Bản, Úc...”². NVNONN nói chung, trí thức NVNONN nói riêng có quê quán ở tất cả các tỉnh thành trên cả nước, tuy nhiên, do những điều kiện lịch sử để lại, số này tập trung nhiều hơn ở các tỉnh phía Nam mà đông đảo nhất là tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo số liệu của Bộ Ngoại giao, hiện nay tại Thành phố Hồ Chí Minh “có khoảng hơn 3.000 doanh nghiệp do kiều bào đầu tư với số vốn hơn 45 nghìn tỷ đồng, thu hút hơn 400 trí thức kiều bào về làm việc dài hạn, gần 200 trí thức tham gia hợp tác nghiên cứu”³.

Hiện nay, số trí thức NVNONN tập trung đông nhất là tại các nước Mỹ, Pháp, Australia, Canada, Nga, Đông Âu. Số lượng các chuyên gia, trí thức người Việt tại các nước Châu Á và các nước đang phát triển tuy có ít hơn song đang có xu hướng gia tăng, nhất là những năm gần đây khi có một người Việt Nam sang các nước ở khu vực này như Nhật Bản, Singapre, Hàn Quốc... học tập và đã ở lại nước sở tại. Các chuyên gia, trí thức người Việt ở

nước ngoài có mặt ở hầu hết các lĩnh vực, tuy nhiên do những đặc thù lịch sử nên những trí thức người Việt có chuyên môn cao trên các lĩnh vực khoa học công nghệ, nhất là nghiên cứu cơ bản, khoa học ứng dụng chiếm tỷ lệ cao hơn. Đội ngũ trí thức Việt Nam ở nước ngoài có nhiều người có chuyên môn cao trên các lĩnh vực mà đất nước đang rất cần như: Khoa học máy tính, công nghệ điện tử, viễn thông, chế tạo máy, điều khiển học, công nghệ sinh học, khoa học vũ trụ, vật liệu mới, công nghệ nano, năng lượng, y học, kinh tế v.v.. Trong số những trí thức người Việt ở nước ngoài, có những người không những đã đạt các học vị cao mà còn là các chuyên gia uy tín ở các nước sở tại như: Ngô Bảo Châu, Vũ Hà Văn (Mỹ), Trịnh Xuân Thuận (Pháp), Trần Thanh Vân (Pháp), Vũ Minh Khương (Singapre), Trần Văn Thọ (Nhật Bản), Nguyễn Đức Khương (Pháp), Đàm Thanh Sơn (Mỹ)... Một số trí thức gốc Việt đã trở thành các chính trị gia, các tướng lĩnh có ảnh hưởng trong cộng đồng, với chính quyền sở tại.

Kết luận số 12-KL/TW, ngày 12 tháng 8 năm 2021 của Bộ Chính trị “Về

công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới” đã đánh giá “Dù ở bất cứ nơi đâu, đồng bào ta vẫn luôn hướng về Tổ quốc, gắn bó máu thịt với cội nguồn dân tộc, là bộ phận không tách rời của cộng đồng dân tộc Việt Nam; là nguồn lực quan trọng đóng góp cho sự nghiệp xây dựng, phát triển và bảo vệ Tổ quốc. Với cơ đồ, tiềm lực, vị thế, uy tín quốc tế của đất nước ngày càng được nâng cao, niềm tin của cộng đồng người Việt Nam ở nước ngoài cũng ngày càng được củng cố”⁴. Có thể khẳng định rằng đa số trí thức NVNONN vẫn mang trong mình tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, lòng tự tôn dân tộc. Đội

ngũ trí thức ở nước ngoài dù bối cảnh ra đi có thể khác nhau, dù chính kiến khác nhau song họ gặp nhau ở điểm chung là đều mong muốn cho đất nước phát triển. Nhiều cộng đồng

người Việt ở nước ngoài đang cố gắng giữ gìn tiếng Việt trong giao tiếp, giữ gìn truyền thống văn hóa Việt Nam.

Như vậy có thể thấy nguồn lực của đội ngũ trí thức NVNONN là rất quan trọng, nhất là đối với đất nước trong bối cảnh hiện nay. Trong những năm qua, đã có nhiều trí thức NVNONN đã có những đóng góp xứng đáng, thiết thực đối với sự phát triển của đất nước. Chẳng hạn, Giáo sư Trần Thanh Vân (Pháp) suốt nhiều năm qua không chỉ đóng góp cho giáo dục mà ông còn dành nhiều hoạt động hỗ trợ học sinh, sinh viên nghèo hiếu học và học giỏi, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn.

Theo Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài, trong nhiều năm qua, mỗi năm bình quân có khoảng “300 lượt trí thức người Việt Nam ở nước ngoài về nước làm việc, tham gia các chương trình hợp tác nghiên cứu và

Có thể khẳng định rằng đa số trí thức NVNONN vẫn mang trong mình tinh thần dân tộc, lòng yêu nước, lòng tự tôn dân tộc. Đội ngũ trí thức ở nước ngoài dù bối cảnh ra đi có thể khác nhau, dù chính kiến khác nhau song họ gặp nhau ở điểm chung là đều mong muốn cho đất nước phát triển. Nhiều cộng đồng người Việt ở nước ngoài đang cố gắng giữ gìn tiếng Việt trong giao tiếp, giữ gìn truyền thống văn hóa Việt Nam.

triển khai khoa học-công nghệ, giáo dục - đào tạo, phần lớn theo hình thức công tác ngắn ngày, chủ yếu là dự hội nghị, hội thảo, giảng dạy, triển khai các dự án hợp tác quốc tế trên nhiều lĩnh vực”⁵. Trong những năm gần đây, đã có nhiều trí thức NVNONN đã về nước tham gia giảng dạy tại các trường đại học, viện nghiên cứu... Gần đây, đã xuất hiện mô hình mới là vừa trí thức, vừa doanh nhân để vừa vừa nghiên cứu, phát triển công nghệ mới, vừa làm quản lý doanh nghiệp có tiềm năng, nắm chắc thông tin và có quan hệ chặt chẽ với thị trường thế giới. Một số trường đại học đã làm tốt việc thu hút các nhà khoa học ở nước ngoài về tham gia giảng dạy như: Đại học Quốc tế thuộc Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh thu hút nhiều nhà khoa học như Tiến sỹ Nguyễn Đình Uyên - kiều bào Mỹ (ngành viễn thông), Giáo sư, Tiến sỹ Võ Văn Tới - kiều bào Mỹ (ngành hàng không); Trường Đại học Hoa Sen thu hút Giáo sư Trương Nguyễn Thành - kiều bào Mỹ; Trường Đại học Tôn Đức Thắng có Giáo sư Nguyễn Đăng Hưng; Trung tâm Hội nghị quốc tế Quy Nhơn của Giáo sư Trần Thanh Vân; Viện nghiên cứu cao

cấp về toán do Giáo sư Ngô Bảo Châu làm Viện trưởng v.v..

Giai đoạn 2015-2017 được xem là thời kỳ sôi động khi có nhiều chuyên gia, trí thức NVNONN về nước tham gia, đặc biệt là Diễn đàn Chuyên gia trí thức người Việt Nam ở nước ngoài với phát triển kinh tế và hội nhập của Việt Nam giai đoạn 2016 - 2020 do Bộ Ngoại giao phối hợp với Ban Kinh tế Trung ương và Nhóm Sáng kiến Việt Nam tổ chức, với sự tham dự của hơn 100 đại biểu, trong đó hơn 30 người là các chuyên gia kinh tế, tài chính, luật, hành chính công đang làm việc tại các trường đại học của Mỹ, Pháp, Úc, Nhật... Hằng năm, các Hội nghị người Việt Nam ở nước ngoài cũng thu hút nhiều trí thức, doanh nhân, nhà hoạt động xã hội tham gia. Năm 2018, Ủy ban Nhà nước về người Việt Nam ở nước ngoài đã tổ chức “Diễn đàn kết nối các doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo của người Việt tại Hoa Kỳ và Việt Nam” tại San Francisco và New York, Mỹ, thu hút sự tham dự của gần 150 đại biểu bao gồm các cơ quan chức năng và doanh nghiệp khởi nghiệp của Việt Nam, đại diện một số quỹ đầu tư, vườn ươm khởi nghiệp, chuyên gia khởi

ng nghiệp của Hoa Kỳ và các doanh nghiệp khởi nghiệp thành công của người Việt tại Hoa Kỳ v.v..

Ở những nước có đông NVNONN sinh sống, học tập đã hình thành những câu lạc bộ tri thức ở nước ngoài và gắn bó chặt chẽ với trong nước. Chẳng hạn, Tổ chức Khoa học và chuyên gia Việt Nam toàn cầu (AVSE Global) có trụ sở tại Pháp, quy tụ trên 200 thành viên. Hay nhóm sáng kiến Việt Nam ở Mỹ, các mạng lưới diễn đàn tri thức khoa học công nghệ của người Việt tại Nhật Bản, Hà Lan, Phần Lan, Đức, Ba Lan, Mỹ...”⁶. Ngày 28/7/2017, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1120/QĐ-TTg về thành lập Tổ Tư vấn kinh tế của Thủ tướng, trong số 14 thành viên có 4 trí thức NVNONN được mời tham gia, đó là: Phó Giáo sư, Tiến sĩ Trần Ngọc Anh, Đại học Indiana, Hoa Kỳ; Giáo sư, Tiến sĩ Nguyễn Đức Khương, Phó Giám đốc, Trưởng khoa Tài chính, Học viện Quản lý và quản trị kinh doanh, Cộng hòa Pháp; Phó Giáo sư, Tiến sĩ Vũ Minh Khương, Đại học quốc gia Singapore; Tiến sĩ Trần Văn Thọ, Đại học Waseda, Nhật Bản.

Trong khuôn khổ Thỏa thuận hợp tác, tháng 9-2021, Ủy ban Nhà nước về NVNONN (Bộ Ngoại giao) đã phối hợp với Cục Phát triển Thị trường và Doanh nghiệp KH&CN, Văn phòng Đề án 844 (Bộ KH&CN) tổ chức Chương trình Cố vấn khởi nghiệp toàn cầu 2021. Chương trình đã thu hút được hơn 50 chuyên gia kiều bào đăng ký tham gia với tư cách là cố vấn, 62 đơn vị khởi nghiệp tại Việt Nam đăng ký tham gia với tư cách là người tiếp nhận cố vấn⁷. Trong 2 năm 2020 và 2021, khi thế giới, nhất là Việt Nam ứng phó với đại dịch Covid-19, NVNONN, trong đó có nhiều trí thức đã có những đóng góp thiết thực thông qua các hoạt động ủng hộ, đặc biệt là chia sẻ kinh nghiệm, chuyển giao khoa học kỹ thuật: “Nhiều kiều bào đã tích cực hợp tác chuyển giao công nghệ nghiên cứu, thử nghiệm vaccine, chia sẻ kinh nghiệm phòng, chống dịch với trong nước, thậm chí dành cả cơ sở vật chất của mình ở Việt Nam phục vụ phòng, chống dịch. Kiều bào ở nhiều nước đã tích cực phối hợp với các cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài triển khai ngoại giao vaccine, vận động sở tại hỗ trợ vaccine, vật phẩm y tế cho Việt Nam”⁸ v.v..

2. Cần làm gì để tập hợp đội ngũ trí thức NVNONN góp phần xây dựng đất nước

Từ những số liệu nêu trên, rõ ràng số trí thức NVNONN tham gia hoặc về nước công tác còn khiêm tốn. Các số liệu cho thấy thực tế đội ngũ trí thức, trong đó có nhiều trí thức thuộc các ngành nghề mà Việt Nam có nhu cầu lớn hiện rất đông đảo, thế nhưng mỗi năm, số về nước làm việc không nhiều. Lâu nay, khi nói đến cộng đồng NVNONN, nhiều người có thể nghĩ ngay tới số kiều hối lớn mà đồng bào chuyển về trong nước, thế nhưng có lẽ tài sản quý giá nhất chính là trí tuệ của đội ngũ này.

Để tập hợp và phát huy tiềm năng của đội ngũ trí thức người Việt Nam ở nước ngoài đóng góp xây dựng quê hương, đất nước, chúng tôi đề xuất một vài giải pháp tham khảo như sau:

Một là, cần đặt vấn đề đại đoàn kết dân tộc cao hơn tất cả. Chúng ta đều biết do những điều kiện lịch sử khác nhau, nên đội ngũ trí thức NVNONN có những xu hướng dị biệt về chính trị. Đối với đội ngũ trí thức lớp người già, tức những người đi học, nghiên cứu ở nước ngoài từ trước năm 1975 ở các

nước, nhất là các nước phương Tây, Nhật Bản rồi sau đó ở lại sống và công tác hẳn nhiên có sợi dây bền chặt trong tâm thức với Tổ quốc. Đối với những người ra đi sau năm 1975 ở miền Nam thì tâm trạng có nhiều suy tư hơn và có cả những vấn đề chưa hẳn đã đồng thuận với các quan điểm, chủ trương của Đảng hiện nay. Đối với những người đi học ở Liên Xô, Đông Âu rồi sau đó ở lại có lẽ ít có khúc mắc hơn. Những người trẻ đi học, thành tài ở lại nước ngoài công tác sau khi đất nước đổi mới có lẽ là đội ngũ dễ hiểu và cảm thông hơn với đất nước và cũng có liên hệ bền chặt hơn vì những vẫn còn những mối liên hệ bền chặt với gia đình, người thân trong nước. Như vậy có thể thấy rằng các xu hướng về chính trị trong đội ngũ trí thức NVNONN hiện có rất đa dạng. Để tập hợp, phát huy tiềm năng của đội ngũ trí thức NVNONN, Đảng và Nhà nước Việt Nam không chỉ đổi mới những quan điểm, chính sách mà cần phải lãnh đạo, chỉ đạo sâu sát, thông suốt trên cả nước để tránh tình trạng “trống đánh xuôi, kèn thổi ngược” đã và vẫn diễn ra những năm qua. Trong khi Đảng và Nhà nước đã có những quan điểm,

chính sách rất cởi mở, thông thoáng thì vẫn có những ngành, địa phương và những cá nhân có trách nhiệm của hệ thống chính trị vẫn hiểu, làm ngược lại với những chủ trương tốt đẹp này. Do đặc điểm trí thức có nhu cầu “được tôn trọng”, nhất là nhu cầu “tự khẳng định”, “tự tỏa sáng”, nhu cầu “phản biện” rất lớn; thường “có tài hay có tật” nên đòi hỏi lãnh đạo, nhất là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương, ban ngành các cấp cần có tấm lòng: chân thật, nhân hậu và độ lượng đối với trí thức nói chung và trí thức người Việt Nam ở nước ngoài.

Hai là, cần ban hành và thực thi tốt hơn nữa các chủ trương, chính sách để khuyến khích và tạo điều kiện cho NVNONN, nhất là đội ngũ trí thức đóng góp tích cực cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc. Phát biểu tại lễ kỷ niệm 60 năm thành lập Bộ Khoa học và Công nghệ sáng 30/11/2019, Thủ tướng Nguyễn Xuân Phúc đã khẳng định: “Đổi mới chính sách sử dụng và trọng dụng cán bộ KHCN, phát triển mạng lưới kết nối nhân tài Việt Nam, tăng cường thu hút sự tham gia sâu của cộng đồng các nhà khoa học Việt Nam ở nước ngoài nhằm thúc đẩy

đổi mới sáng tạo trong nước. “Hiện chúng ta có khoảng 300.000 chuyên gia, trí thức người Việt Nam ở nước ngoài, chủ yếu tại các nước công nghiệp phát triển. Đây là nguồn lực vô cùng quý giá, là cầu nối giúp chúng ta tiến nhanh trên bản đồ đổi mới sáng tạo của thế giới nếu biết cách huy động”. Cần đổi mới theo hướng thông thoáng hơn nữa các chính sách về thường trú, về quốc tịch, về nhà ở... đặc biệt là cải cách các thủ tục hành chính để hạn chế tối đa việc gây khó khăn, phiền hà cho đội ngũ này khi về Việt Nam làm việc và cộng tác.

Ba là, sợi dây vững bền để kết nối NVNONN nói chung, trí thức NVNONN nói riêng đối với Tổ quốc chính là ở những giá trị văn hóa cốt lõi Việt Nam, ở ngôn ngữ và tiếng nói của dân tộc. Vì vậy, cho dù còn nhiều khó khăn, Nhà nước cũng cần chi nguồn lực cần thiết nhằm xây dựng các trung tâm văn hóa, ngôn ngữ ở nước ngoài, nơi có đông người Việt sinh sống.

Bốn là, thông tin hai chiều nhanh chóng đối với NVNONN. Thông tin nhanh nhất những chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến với đồng bào. Khi xuất hiện những thông tin xuyên tạc, bịa đặt

về tình hình đất nước, các cơ quan có trách nhiệm phải nhanh chóng lên tiếng và kịp thời đưa lên các phương tiện thông tin nhanh nhất đến đồng bào. Đại dịch Covid-19 đã làm bộc lộ quá nhiều những mảng tối, một trong số đó là việc trục lợi từ các chuyến bay “giải cứu”, đây là nỗi xấu hổ chung. Một câu hỏi đặt ra là trước những việc hạch sách, gây khó dễ, ăn chặn ấy bà con NVNONN đã có những ý kiến phản hồi ra sao, phản hồi ở đâu, khi nào và ai đã đứng ra giải quyết. Trí thức chân chính thường là những người luôn đề cao sự công bằng xã hội, đề cao công chính, liêm chính, vì vậy để xảy ra những câu chuyện xấu hổ như vụ trục lợi các chuyến bay “giải cứu” trong đại dịch Covid-19 vừa qua đã thật sự làm sứt mẻ niềm tin rất lớn trong đội ngũ này đối với đất nước. Người Việt Nam có câu “trăm hay không bằng một thấy”. Từ câu chuyện xấu hổ này, các cơ quan có trách nhiệm của Nhà nước hay nhanh chóng rà soát lại tất cả để cho những câu chuyện đầy hổ thẹn này sẽ chỉ còn là những kỷ niệm bị chôn vùi.

Năm là, Nghị quyết 36 khẳng định: “Người Việt Nam ở nước ngoài là bộ phận không tách rời và là một nguồn

lực của cộng đồng dân tộc Việt Nam”¹⁰. Vậy thì, một việc cần làm ngay, đó là cần xây dựng và thực thi những cơ chế, chính sách, pháp luật bình đẳng, không phân biệt giữa trí thức NVNONN với trí thức trong nước. Nhà nước cần tạo cơ chế, chính sách để các viện nghiên cứu, các trường đại học lớn trong nước nên có kết nối thường xuyên với các trí thức lớn là người Việt ở nước ngoài để hàng năm đội ngũ này có khoảng thời gian về nước làm việc hoặc giành thời gian đóng góp trí tuệ cho đất nước. Về lâu dài, Nhà nước nên tính đến chương trình dài hơi hơn là mời các trí thức người Việt có tên tuổi ở nước ngoài tham gia lãnh đạo các trường đại học, viện nghiên cứu và kể cả tham gia bộ máy lãnh đạo trong các cơ quan của hệ thống chính trị, nhất là tham vấn đội ngũ này về các vấn đề chính trị.

Kết luận: Để xây dựng một nước Việt Nam hùng cường và thịnh vượng cần có sự chung sức đồng lòng của cả dân tộc, trong đó không thể thiếu vai trò quan trọng của cộng đồng NVNONN, nhất là đội ngũ trí thức. Đội ngũ trí thức NVNONN đã có những đóng góp xứng đáng cho nước

sở tại thì không có lý do gì để họ không mang nguồn lực, đặc biệt là trí tuệ của mình đóng góp cho sự phát triển của đất nước. Làm sao để tập hợp, phát huy, tạo điều kiện thuận lợi cho đội ngũ trí thức NVNOON về nước công tác, đóng góp cho công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, nhất là trong công

cuộc công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước hiện nay là vấn đề cần phải được nghiên cứu và bàn bạc thật thấu đáo, nhất là sau 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 (khóa X) “Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước” ■

¹ ĐCSVN: Nghị quyết 27-NQ/TW, ngày 6/8/2008 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa X) “Về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước”.

² <http://vjst.vn/vn/tin-tuc/5799/chuyen-gia--tri-thuc-kieu-bao-chung-tay-cung-doi-moi-sang-tao-quoc-gia.aspx>.

³ <https://dangcongsan.vn/nguoi-viet-nam-o-nuoc-ngoai/luon-tao-moi-dieu-kien-thuan-loi-nhat-de-kieu-bao-tro-ve-que-huong-618968.html>.

⁴ ĐCSVN: Kết luận số 12-KL/TW, ngày 12/8/2021 của Bộ Chính trị “Về công tác người Việt Nam ở nước ngoài trong tình hình mới”.

⁵ <https://www.vietnamplus.vn/lam-the-nao-de-thu-hut-tri-thuc-o-nuoc-ngoai-ve-nuoc/422913.vnp>.

⁶ <https://tuoitre.vn/phat-huy-nguon-luc-viet-o-nuoc-ngoai-20211216080902609.htm>

⁷ <http://vjst.vn/vn/tin-tuc/5799/chuyen-gia--tri-thuc-kieu-bao-chung-tay-cung-doi-moi-sang-tao-quoc-gia.aspx>.

⁸ <https://www.qdnd.vn/chinh-tri/cac-van-de/cong-dong-nguoi-viet-nam-o-nuoc-ngoai-la-nguon-luc-quan-trong-cua-dat-nuoc-669122>.

⁹ <https://vietnamnet.vn/thu-tuong-viec-dau-tien-la-doi-moi-sang-tao-cach-trong-dung-con-nguoi-593505.html>.

¹⁰ <https://dangcongsan.vn/nguoi-viet-nam-o-nuoc-ngoai/tri-thuc-viet-kieu--nguon-luc-quan-trong-cho-su-phat-trien-cua-dat-nuoc-252142.html>.

KỶ HỌP THỨ 5

HỘI ĐỒNG LÝ LUẬN TRUNG ƯƠNG

NHIỆM KỶ 2021-2026

Thực hiện Chương trình công tác nhiệm kỳ 2021-2026, ngày 10-10-2022, tại tỉnh Thái Nguyên, Hội đồng Lý luận Trung ương tổ chức Kỳ họp thứ 5. GS, TS Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh chủ trì kỳ họp; đồng chí PGS, TS. Nguyễn Thanh Hải, Ủy viên Ban chấp hành Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy, Trưởng đoàn Đại biểu Quốc hội Thái Nguyên tham dự kỳ họp và phát biểu chào mừng; tham dự kỳ họp có các đồng chí Thường trực Hội đồng, thành viên Hội đồng và đại diện lãnh đạo một số cơ quan, ban đảng trung ương.

Kỳ họp thứ 5 của Hội đồng tập trung vào một nội dung: Hội thảo khoa học với chủ đề “*Một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*”, nhằm cung

cấp, bổ sung luận cứ khoa học cần thiết cho việc xây dựng Báo cáo tư vấn của Hội đồng “*Một số vấn đề lý luận - thực tiễn qua 15 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 7 khóa X về xây dựng đội ngũ trí thức trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước*” trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, phục vụ việc chuẩn bị Hội nghị Trung ương 7 khóa XIII của Ban Chấp hành Trung ương.

Qua 15 năm thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW, chúng ta đã đạt được những kết quả quan trọng. Đội ngũ trí thức tăng nhanh về số lượng, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc. Sự gắn bó giữa Đảng với trí thức ngày càng được tăng cường. Khối đại đoàn kết toàn dân tộc trên nền tảng liên minh công - nông - trí tiếp tục được củng cố vững chắc.

Tuy nhiên, quá trình thực hiện Nghị quyết cùng còn nhiều hạn chế, bất cập. Nhiều nội dung của Nghị quyết chậm

được cụ thể hóa, thể chế hóa việc tổ chức thực hiện còn thiếu đồng bộ, ít đột phá. Phương thức lãnh đạo, chỉ đạo đối với đội ngũ trí thức chậm đổi mới, chưa theo kịp sự phát triển. Đội ngũ trí thức sáng tạo, chuyên gia đầu ngành còn thiếu nghiêm trọng, đội ngũ kế cận hẫng hụt. Bộ phận trí thức người Việt Nam ở nước ngoài chưa được quan tâm phát huy đúng mức. Cơ chế, thủ tục hành chính quan liêu, lạc hậu và tình trạng trì trệ, hình thức, hiệu quả hoạt động thấp trong các đơn vị sự nghiệp công lập, nghiên cứu khoa học, các hội trí thức chậm được khắc phục.

Phát biểu khai mạc kỳ họp, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng gợi mở một số nội dung quan trọng cần tập trung thảo luận, đóng góp ý kiến nhằm cung cấp, bổ sung luận cứ khoa học cần thiết cho việc xây dựng Báo cáo tư vấn của Hội đồng trình Bộ Chính trị, Ban Bí thư, phục vụ việc chuẩn bị Hội nghị Trung ương 7 khóa XIII của Ban Chấp hành Trung ương khóa XIII.

Sau phát biểu khai mạc định hướng của đồng chí Chủ tịch Hội đồng và Báo cáo đề dẫn Hội thảo, với tinh thần trách nhiệm, khách quan, khoa học các đại biểu đã tập trung thảo luận sâu sắc vào một số vấn đề:

Qua 15 năm thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW, chúng ta đã đạt được những kết quả quan trọng. Đội ngũ trí thức tăng nhanh về số lượng, đóng góp tích cực vào sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc.

- Về đánh giá những kết quả nổi bật đã đạt được qua 15 năm thực hiện Nghị quyết 27-NQ/TW

- Về những hạn chế, điểm nghẽn cần được tháo gỡ để phát huy hiệu quả vai trò của đội ngũ trí thức trong xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc

- Đề xuất, kiến nghị để xây dựng và sử dụng đội ngũ trí thức đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Kết quả Hội thảo đã góp phần làm rõ nhiều vấn đề đặt ra, trong đó đặc biệt là các giải pháp trọng tâm để tiếp tục hoàn thiện môi trường và điều kiện thuận lợi cho hoạt động của đội ngũ trí thức; phát hiện và bồi dưỡng nhân tài; chính sách vượt trội để thu hút, trọng dụng nhân tài, chuyên gia cả trong và ngoài nước ■

TRAO ĐỔI LÝ LUẬN LẦN THỨ 10 GIỮA ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM VÀ ĐẢNG CỘNG SẢN NHẬT BẢN



Đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Nguyễn Xuân Thắng (bên phải), Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, làm Trưởng đoàn đã tham dự Trao đổi lý luận lần thứ 10 với đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Nhật Bản do đồng chí Tanaka Yu (bên trái), Ủy viên Thường vụ Đoàn Chủ tịch, Phó Trưởng ban Bí thư Trung ương, làm Trưởng đoàn.

Trong khuôn khổ chuyến thăm và làm việc tại Nhật Bản, ngày 13/10, đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam do đồng chí Nguyễn Xuân Thắng, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch Hội đồng Lý luận Trung ương, Giám đốc Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh, làm Trưởng đoàn đã tham dự Trao đổi lý luận lần thứ 10 với đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Nhật Bản do đồng chí Tanaka Yu, Ủy viên Thường vụ Đoàn

Chủ tịch, Phó Trưởng ban Bí thư Trung ương, làm Trưởng đoàn.

Cuộc trao đổi lý luận lần này giữa hai Đảng có chủ đề “Xây dựng chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thế kỷ XXI: Tiếp cận mới về thực tiễn và lý luận”. Cuộc trao đổi này diễn ra đúng vào dịp Đảng Cộng sản Nhật Bản vừa kỷ niệm 100 năm ngày thành lập (15/7/1922-15/7/2022) và Đảng Cộng sản Việt Nam vừa tổ chức thành công Hội nghị Trung ương 6 khóa XIII.

Tại cuộc trao đổi lý luận, hai bên đi sâu trao đổi ý kiến về xu hướng phát triển của chủ nghĩa xã hội hiện thực trên thế giới trong thế kỷ XXI, đồng thời chia sẻ các quan điểm và kinh nghiệm trong quá trình tìm tòi để ra đường lối xây dựng chủ nghĩa xã hội của mỗi Đảng.

Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng đã điểm lại những thành tựu có ý nghĩa lịch sử mà Đảng ta đạt được trong quá trình hơn 35 năm tiến hành đổi mới và hơn 30 năm thực hiện Cương lĩnh xây dựng đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội thông qua bài viết quan trọng của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng về “Một số vấn đề lý luận và thực tiễn về chủ nghĩa xã hội và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam”; đồng thời nhấn mạnh những bước phát triển về lý luận của Đảng ta đã được Đại hội XIII khẳng định với tư duy và tầm

nhìn dài hạn có tính chiến lược trong quá trình lãnh đạo và dẫn dắt đất nước trên con đường đi lên chủ nghĩa xã hội.

Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng đã đề cập 3 xu hướng phát triển nổi bật của chủ nghĩa xã hội hiện thực trong thế kỷ XXI, đó là xu hướng phát triển hiện đại, xu hướng phát triển đa dạng và xu hướng phát triển lấy con người làm trung tâm; chia sẻ thông tin về đặc trưng của xã hội xã hội chủ nghĩa mà Việt Nam đang xây dựng với mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh và về mô hình xã hội chủ nghĩa Việt Nam với 3 trụ cột là kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa, Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa và nền dân chủ xã hội chủ nghĩa.

Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng đã nhấn mạnh nhân tố hàng đầu, có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam và sự thành công của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam là sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng và quan điểm quán triệt sâu sắc bài học “dân là gốc”, nhân dân làm trung tâm của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc, là chủ thể của công cuộc đổi mới.

Đồng chí Nguyễn Xuân Thắng đã nhấn mạnh nhân tố hàng đầu, có ý nghĩa quyết định mọi thắng lợi của cách mạng Việt Nam và sự thành công của sự nghiệp xây dựng chủ nghĩa xã

hội ở Việt Nam là sự lãnh đạo toàn diện, trực tiếp của Đảng và quan điểm quán triệt sâu sắc bài học “dân là gốc”, nhân dân làm trung tâm của sự nghiệp xây dựng, phát triển đất nước và bảo vệ Tổ quốc, là chủ thể của công cuộc đổi mới.

Đồng chí Tanaka Yu đã trình bày khái quát về quá trình phát triển nhận thức về thời đại của Đảng Cộng sản Nhật Bản. Hiện nay, Đảng Cộng sản Nhật Bản cho rằng thế giới đang có “sự chuyển đổi cơ cấu” do sự sụp đổ thể chế thực dân và thắng lợi của hơn 100 dân tộc, quốc gia giành được độc lập, chủ quyền là sự biến đổi lớn nhất trong thế kỷ XXI; khẳng định đây là nguồn gốc sức mạnh lớn nhất để đẩy mạnh hòa bình và tiến bộ xã hội trong thế kỷ XXI.

Đồng chí Tanaka Yu cho rằng thời đại một số ít cường quốc chi phối nền chính trị quốc tế đã kết thúc; thời đại các nước lớn, nhỏ bình đẳng và làm chủ nền chính trị quốc tế đã bắt đầu với một đặc trưng mới là phong trào nhân dân tham gia và đóng vai trò quan trọng trong nền chính trị quốc tế.

Về đặc điểm mới của thế kỷ XXI, đồng chí Tanaka Yu đã nhấn mạnh 3 đặc điểm là nhân loại nỗ lực tiến tới một

thế giới không có vũ khí hạt nhân, sự phát triển hợp tác khu vực cho nền hòa bình thế giới và xu hướng phát triển hướng đến bảo đảm quyền con người trên thế giới, trong đó có bình đẳng về giới đang trở thành trào lưu lớn.

Tại cuộc trao đổi lý luận, các chuyên gia, học giả hai Đảng đã đi sâu trao đổi ý kiến làm rõ thêm nhiều nhận thức mới về lý luận và thực tiễn xây dựng chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, Nhật Bản và trên thế giới.

Cuộc trao đổi lý luận lần thứ 10 giữa Đảng Cộng sản Việt Nam và Đảng Cộng sản Nhật Bản đã diễn ra với tinh thần trao đổi khoa học, cởi mở, thẳng thắn và xây dựng. Hai bên khẳng định ý nghĩa quan trọng của các cuộc trao đổi lý luận giữa hai Đảng đã đóng góp thiết thực đối với sự phát triển lý luận phục vụ công tác lãnh đạo của mỗi Đảng và xu hướng xây dựng chủ nghĩa xã hội trên thế giới.

Trước đó, ngày 12/10, đồng chí Nguyễn Xuân Thắng và đoàn đại biểu Đảng Cộng sản Việt Nam đã đến thăm Đại sứ quán Việt Nam tại Nhật Bản và gặp gỡ cán bộ, nhân viên của các cơ quan đại diện của Việt Nam tại Nhật Bản ■